

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH NỘI TRÚ NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
		Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25: 1 Sinh viên													
1	1	2562102160002	CĐ.BNT.K25	Châu A Hồ	Nam	10/8/2007	Mông	Hô Tra	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207000570	
		Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K23: 1 Sinh viên													
2	1	2362102130006	CĐ.DVM.K23	Mạ Thị Minh Nguyệt	Nữ	01/9/2004	Thái	Bản Lả mừng	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	102304000790	
		Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K25: 1 Sinh viên													
3	1	2562102130003	CĐ.DVM.K25	Hà Kim Tiệp	Nam	16/10/2005	Thái	Bản Sang Ngà	Mường Than	Lai Châu	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	012205001071	
		Lớp Cao đẳng Hội họa K23: 2 Sinh viên													
4	1	2362101030001	CĐ.HHO.K23	Lương Văn Hợp	Nam	30/4/2005	Thái	Bản Mầu	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012205005295	
5	2	2362101030005	CĐ.HHO.K23	Trang Thị Khiêm	Nữ	26/5/2004	Giáy	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010304009765	
		Lớp Cao đẳng Hội họa K25: 4 Sinh viên													
6	1	2562101030001	CĐ.HHO.K25	Ma Thị Ca	Nữ	12/01/2007	HMông	Nhân Giồng	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307005001	
7	2	2562101030002	CĐ.HHO.K25	Cư Thị Chủ	Nữ	19/4/2007	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307001990	
8	3	2562101030004	CĐ.HHO.K25	Trương Quý Đăng	Nam	22/02/2004	Nùng	Bồ Lũng	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010204008635	
9	4	2562101030006	CĐ.HHO.K25	Gì A Trung	Nam	07/10/2007	Mông	Dìn Pèng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207000473	
		Lớp Cao đẳng Piano K24: 2 Sinh viên													
10	1	2462102210006	CĐ.PAN.K24	H Nguết NIÊ	Nữ	02/3/1999	Ê Đê	Buôn Hra A	Ea Tul	Đắk Lắk	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	066199013232	
11	2	2462102210009	CĐ.PAN.K24	Vàng Seo Viên	Nam	13/10/2006	H'Mông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009812	
		Lớp Cao đẳng Piano K25: 2 Sinh viên													
12	1	2562102210002	CĐ.PAN.K25	Ly Gớ Phê	Nữ	12/9/2007	Hà Nhì	Lao Chải	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307000836	
13	2	2562102210005	CĐ.PAN.K25	Vừ A Tăng	Nam	06/4/2005	Mông	Huổi Ít	Nậm Nền	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	011205000418	
		Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K23: 4 Sinh viên													
14	1	2362102250009	CĐ.TNH.K23	Tráng Thị Sài	Nữ	12/8/2005	HMông	Làng mới	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305000741	
15	2	2362102250010	CĐ.TNH.K23	Tần Láo Sử	Nam	25/02/2005	Dao	Suối Thầu 2	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010205005058	
16	3	2362102250011	CĐ.TNH.K23	Sùng A Tranh	Nam	08/02/2004	Mông	Huổi Mí	Nậm Nền	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	011204000564	
17	4	2362102250013	CĐ.TNH.K23	Lù Thảo Vân	Nữ	17/02/2005	Mông	Bản Phùng	Lao Chải	Tuyên Quang	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	023050083122	
		Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K24: 7 Sinh viên													
18	1	2462102250002	CĐ.TNH.K24	Thùng Thị Huyền	Nữ	01/7/2006	Thái	Pa Tàn	Mường Chà	Điện Biên	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011306001929	
19	2	2462102250003	CĐ.TNH.K24	Phản Thị Khé	Nữ	28/10/2006	Dao	Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012306001728	
20	3	2462102250004	CĐ.TNH.K24	Chang Thị Mến	Nữ	17/6/2005	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012305001692	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
21	4	2462102250006	CD.TNH.K24	Lùng Thị Nhung	Nữ	04/3/2006	Nùng	Bản Mế	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306008365	
22	5	2462102250007	CD.TNH.K24	Lò Minh Phương	Nam	03/10/2006	Thái	Bản Cang	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206000511	
23	6	2462102250008	CD.TNH.K24	Đặng Văn Tiến	Nam	05/4/2004	Tày	Nậm Khạo	Nghĩa Đô	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010204001760	
24	7	2462102250009	CD.TNH.K24	Pờ Trung Hiếu	Nam	12/3/2002	Hà Nhì	Má Ký	Mù Cả	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012202005849	
Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K25: 7 Sinh viên															
25	1	2562102250005	CD.TNH.K25	Quan Thị Kiều	Nữ	01/3/2007	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307007730	
26	2	2562102250006	CD.TNH.K25	Giàng Nghị Lan	Nữ	12/01/2007	Mông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307006320	
27	3	2562102250010	CD.TNH.K25	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	20/01/2007	Kinh	Tân Quang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307002792	
28	4	2562102250012	CD.TNH.K25	Tráng Thị Tanh	Nữ	01/4/2003	HMông	Ngải Trồ	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010303005305	
29	5	2562102250016	CD.TNH.K25	Giàng Seo Tô	Nam	28/3/2007	HMông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010207000237	
30	6	2562102250017	CD.TNH.K25	Hoàng Văn Toan	Nam	12/10/2006	Giáy	Bản Xèo	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001266	
31	7	2562102250019	CD.TNH.K25	Lò Thị Hồng Tươi	Nữ	24/02/2007	Dáy	Nậm Chạc	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307005509	
Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K24.5: 1 Học sinh															
32	1	2452102160002	TC.BNT.K24.5	Sùng Trung Hiếu	Nam	04/3/2009	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209008883	
Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25.5: 1 Học sinh															
33	1	2552102160003	TC.BNT.K25.5	Vàng Thị Pằng	Nữ	01/01/2010	HMông	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310005883	
Lớp Trung cấp Hội họa K23.5: 3 Học sinh															
34	1	2352101030002	TC.HHO.K23.5	Hoàng Thị Lan	Nữ	10/12/2008	Dao	Trà Châu	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010308000333	
35	2	2352101030005	TC.HHO.K23.5	Sùng Thị Sú	Nữ	17/12/2008	Mông	Nàn Ma	Pà Vầy Sù	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	023080105240	
36	3	2352101030006	TC.HHO.K23.5	La Minh Thúy	Nữ	22/01/2008	Giáy	Tổ 11	Cam Đường	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010308008329	
Lớp Trung cấp Hội họa K24.5: 5 Học sinh															
37	1	2452101030004	TC.HHO.K24.5	Vàng Seo Giang	Nam	26/8/2009	Mông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002314	
38	2	2452101030008	TC.HHO.K24.5	Chảo Văn Lực	Nam	18/8/2009	Dao	Bản Cam	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209005920	
39	3	2452101030009	TC.HHO.K24.5	Chảo Tả Mây	Nữ	22/7/2009	Dao	Xà Chải	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309002440	
40	4	2452101030010	TC.HHO.K24.5	Đỗ Thị Na	Nữ	04/8/2009	Kinh	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	010309007896	
41	5	2452101030012	TC.HHO.K24.5	Tráng Thìn Sơn	Nam	02/9/2009	Hmông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005994	
Lớp Trung cấp Hội họa K25.5: 3 Học sinh															
42	1	2552101030003	TC.HHO.K25.5	Vàng Văn Hải	Nam	28/5/2010	Nùng	Ải Nam	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210007693	
43	2	2552101030007	TC.HHO.K25.5	Phàng Thị Sáng	Nữ	10/01/2010	Hmông	Pờ Sỉ Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310004181	
44	3	2552101030009	TC.HHO.K25.5	Ly Seo Thành	Nam	09/9/2010	HMông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210001634	
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K23.5: 3 Học sinh															
45	1	2352102070006	TC.NBM.K23.5	Lò Thái Hoàng	Nam	21/5/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	014208004372	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
46	2	2352102070013	TC.NBM.K23.5	Lò Thái Toàn	Nam	01/02/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	014208014983	
47	3	2352102070015	TC.NBM.K23.5	Đèo Thị Tươi	Nữ	23/11/2008	Thái	Lun 2	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012308006604	
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K24.5: 4 Học sinh															
48	1	2452102070005	TC.NBM.K24.5	Soi Thị Hào Diệu	Nữ	10/4/2009	Thái	Bản Lướt	Mường Kim	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012309002859	
49	2	2452102070010	TC.NBM.K24.5	Lường Văn Khải	Nam	10/10/2009	Thái	Bản Củng	Khoen On	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012209001649	
50	3	2452102070013	TC.NBM.K24.5	Lò Thị Khánh Ly	Nữ	30/10/2009	Thái	Nậm Ty	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012309004011	
51	4	2452102070014	TC.NBM.K24.5	Giàng Thị Phượng	Nữ	24/6/2009	Hmông	Phú Long 1	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	100	010309000137	
Lớp Trung cấp Organ K23.5: 3 Học sinh															
52	1	2352102240003	TC.ORG.K23.5	Lù Thị Chí	Nữ	20/7/2008	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sù	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	023080019280	
53	2	2352102240004	TC.ORG.K23.5	Giàng Thị Dung	Nữ	10/8/2008	HMông	Pờ Xi Ngài	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010308003114	
54	3	2352102240005	TC.ORG.K23.5	Châu Thị Nú	Nữ	30/4/2008	HMông	Hô Tra	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012308001936	
Lớp Trung cấp Organ K24.5: 1 Học sinh															
55	1	2452102240006	TC.ORG.K24.5	Giàng Hoàn Thành	Nam	12/5/2009	H'Mông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209002902	
Lớp Trung cấp Organ K25.5: 6 Học sinh															
56	1	2552102240001	TC.ORG.K25.5	Sùng Văn Anh	Nam	09/4/2010	Mông	Nậm Lòn	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210001720	
57	2	2552102240002	TC.ORG.K25.5	Lù Văn Đoàn	Nam	07/02/2010	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sù	Tuyên Quang	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	002210000180	
58	3	2552102240003	TC.ORG.K25.5	Vàng Thị Dung	Nữ	24/02/2010	Mông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010310005192	
59	4	2552102240005	TC.ORG.K25.5	Thào Văn Hào	Nam	01/6/2010	Mông	Nàn Ma	Pà Vây Sù	Tuyên Quang	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	002210009530	
60	5	2552102240008	TC.ORG.K25.5	Ly Seo Phừ	Nam	15/3/2010	Mông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210010206	
61	6	2552102240013	TC.ORG.K25.5	Ly Seo Thành	Nam	07/5/2010	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210003657	
Lớp Trung cấp Thanh nhạc K23.5: 1 Học sinh															
62	1	2352102250007	TC.TNH.K23.5	Ma Thị Á Ông	Nữ	01/4/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306005723	
Lớp Trung cấp Thanh nhạc K25.5: 2 Học sinh															
63	1	2552102250002	TC.TNH.K25.5	Giàng Thị Gánh	Nữ	28/11/2010	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310004175	
64	2	2552102250003	TC.TNH.K25.5	Hầu Thị Khu	Nữ	13/01/2010	HMông	Pờ Sỉ Ngài	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310009360	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23.CLC: 4 Sinh viên															
65	1	2365102160004	CD.COT.K23.CLC	Thào A Cang	Nam	16/8/2005	H'Mông	Hua Cườm 2	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	012205000260	
66	2	2365102160015	CD.COT.K23.CLC	Phạm Công Minh	Nam	10/7/2004	Kinh	1 Vài Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010204004091	
67	3	2365102160019	CD.COT.K23.CLC	Tần Quốc Ngọc	Nam	04/6/2005	Dao	Tả Suối Cầu 1	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010205010485	
68	4	2365102160025	CD.COT.K23.CLC	Chảo Láo Sứ	Nam	22/7/2005	Dao	Sẻo Tòng Sảnh	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010205006145	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24.CLC: 2 Sinh viên															
69	1	2465102160020	CD.COT.K24.CLC	Chảo Láo Tả	Nam	03/6/2006	Dao	Suối Thầu	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206007705	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
70	2	2465102160028	CD.COT.K24.CLC	Dương Thành Vũ	Nam	12/4/2006	Tày	Thôn 1 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010206003493	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K23C: 3 Sinh viên															
71	1	2365102160113	CD.COT.K23C	Chu Suy Gió	Nam	01/10/2005	Hà Nhì	Mò Phú Chải	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205009542	
72	2	2365102160117	CD.COT.K23C	Lý Văn Khánh	Nam	26/01/2005	Dao	Sắc Phạ	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010205009561	
73	3	2365102160130	CD.COT.K23C	Vương Quốc Toàn	Nam	18/6/2005	Tày	Ken 3	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205006890	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24A: 5 Sinh viên															
74	1	2465102160030	CD.COT.K24A	Hứa Ngọc Anh	Nam	16/9/2006	Dao	Bản Trà	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010206010016	
75	2	2465102160038	CD.COT.K24A	Ma Văn Cường	Nam	22/02/2006	H'Mông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206006075	
76	3	2465102160055	CD.COT.K24A	Lê Xuân Hợp	Nam	25/8/2006	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010206000314	
77	4	2465102160059	CD.COT.K24A	Đào Đức Khánh	Nam	19/9/2006	Kinh	Tổ 8 Bắc Lệnh	Cam Đường	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	010206005710	
78	5	2465102160063	CD.COT.K24A	Lý Minh Thiện	Nam	05/9/2006	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010206000346	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24B: 5 Sinh viên															
79	1	2465102160069	CD.COT.K24B	Lê Tuấn Hùng	Nam	11/01/2006	Kinh	Mường Hum	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010206009048	
80	2	2465102160081	CD.COT.K24B	Đàm Đại Lộc	Nam	26/02/2006	Giáy	Quyết Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010206009300	
81	3	2465102160084	CD.COT.K24B	Hoàng Đình Mẫn	Nam	01/3/2006	Tày	Bản Noong	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010206006006	
82	4	2465102160093	CD.COT.K24B	Khà Văn Phúc	Nam	26/7/2006	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001430	
83	5	2465102160103	CD.COT.K24B	Đặng Trường Vũ	Nam	10/5/2006	Dao	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206002428	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K24C: 2 Sinh viên															
84	1	2465102160105	CD.COT.K24C	Bản Tuấn Anh	Nam	01/11/2006	Dao	Làng Đào 2	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010206008738	
85	2	2465102160114	CD.COT.K24C	Tần Seo Lồng	Nam	15/8/2006	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206008018	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25.CLC: 3 Sinh viên															
86	1	2565102160001	CD.COT.K25.CLC	Đình Việt Anh	Nam	28/01/2007	Kinh	Làng Bông	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	010207000163	
87	2	2565102160012	CD.COT.K25.CLC	Ngô Chung Kiên	Nam	01/7/2007	Kinh	Nậm Tri	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010207009736	
88	3	2565102160016	CD.COT.K25.CLC	Cư Ngọc Sơn	Nam	16/9/2006	Mông	Mào Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001516	
Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25A: 7 Sinh viên															
89	1	2565102160027	CD.COT.K25A	Ly Hòa Bình	Nam	26/7/2007	Mông	Chu Liễn Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207001786	
90	2	2565102160030	CD.COT.K25A	Thần Văn Đà	Nam	26/01/2007	Nùng	Nàn Vái	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207000080	
91	3	2565102160033	CD.COT.K25A	Bản Mạnh Dũng	Nam	25/5/2007	Dao	Phú Sơn	Tằng Loong	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010207003296	
92	4	2565102160045	CD.COT.K25A	Lò Văn Kím	Nam	10/9/2007	Thái	Bản Mới	Tân Phong	Lai Châu	Xã khu vực I	Hộ nghèo	100	012207006856	
93	5	2565102160062	CD.COT.K25A	Nguyễn Đức Tài	Nam	28/8/2007	Kinh	Bảo Nhai	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010207008817	
94	6	2565102160069	CD.COT.K25A	Ninh Văn Vinh	Nam	08/01/2007	Tày	Trĩ Trong	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207002046	
95	7	2565202460087	CD.COT.K25A	Ma Văn Vĩnh	Nam	05/3/2007	Thu Lao	Đội 2	Si Ma Cai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207005299	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25B: 3 Sinh viên														
96	1	2565202270184	CD.COT.K25B	La Thanh Lâm	Nam	17/02/2007	Tày	Thôn 1 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207009494	
97	2	2565102160075	CD.COT.K25B	Lù Thành Chung	Nam	17/12/2007	Dao	Suối Thầu	Tân Phong	Lai Châu	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	012207003846	
98	3	2565102160098	CD.COT.K25B	Hàng A Thành	Nam	01/4/2007	Mông	Hồ Bon	Mường Khoa	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012207007539	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ ô tô K25C: 4 Sinh viên														
99	1	2565102160110	CD.COT.K25C	Vàng A Chùa	Nam	04/5/2007	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010507009533	
100	2	2565102160120	CD.COT.K25C	La Văn Hiệp	Nam	15/5/2007	Tày	Tổ 2 Minh Hạ	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207001902	
101	3	2565102160123	CD.COT.K25C	Hoàng Xuân Hội	Nam	06/3/2007	Dao	Cao Sơn	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	010207009870	
102	4	2565102160135	CD.COT.K25C	Lò Trường Quý	Nam	30/11/2007	Giáy	Làng Mới	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207008830	
	Lớp Cao đẳng Hàn K24: 1 Sinh viên														
103	1	2465201230001	CD.HAN.K24	Hoàng Anh Cường	Nam	06/10/2004	Tày	Ngầu 3	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010204000834	
	Lớp Cao đẳng Hàn K25: 2 Sinh viên														
104	1	2565202270059	CD.HAN.K25	Lương Đức Mông	Nam	06/7/2007	Tày	Thôn Chiềng 4	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207004590	
105	2	2565202270077	CD.HAN.K25	Nguyễn Tuấn Vũ	Nam	13/12/2007	Tày	Là 1	Võ Lao	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207009733	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5A: 6 Học sinh														
106	1	2455102160006	TC.COT.K24.5A	Làng Hậu Giang	Nam	02/01/2009	Giáy	Na Án	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001211	
107	2	2455102160008	TC.COT.K24.5A	Chảo Ông Khé	Nam	11/9/2009	Dao	Nậm Phàng	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209007955	
108	3	2455102160012	TC.COT.K24.5A	Lý Quốc Mạnh	Nam	24/10/2009	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007420	
109	4	2455102160013	TC.COT.K24.5A	Thào A Mạnh	Nam	07/11/2009	Hmông	Pờ Hồ	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209003669	
110	5	2455102160017	TC.COT.K24.5A	Lù Văn Quân	Nam	04/02/2009	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002569	
111	6	2455102160018	TC.COT.K24.5A	Châu A Sinh	Nam	27/12/2009	Hmông	Kim Sáng Hồ	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209000410	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K24.5B: 3 Học sinh														
112	1	2455102160040	TC.COT.K24.5B	Tần Kim Phùng	Nam	04/7/2009	Dao	San Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002888	
113	2	2455102160049	TC.COT.K24.5B	Lù Đức Thành	Nam	30/11/2009	Xa Phó	An Thành	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209003186	
114	3	2455102160050	TC.COT.K24.5B	Lò Văn Tiến	Nam	21/3/2009	Dao	Séo Trung Hồ	Bản Hồ	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209000161	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5A: 7 Học sinh														
115	1	2555102160003	TC.COT.K25.5A	Giàng Seo Đường	Nam	25/9/2010	Mông	Bản Ngò Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210008097	
116	2	2555102160016	TC.COT.K25.5A	Giàng Trảng Ly	Nam	27/02/2010	Hmông	Tả Tè Lé	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005523	
117	3	2555102160022	TC.COT.K25.5A	Chảo Láo San	Nam	05/01/2010	Dao	Chu Cang Hồ	Cốc San	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009074	
118	4	2555102160023	TC.COT.K25.5A	Chảo Văn Sinh	Nam	05/9/2010	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210000157	
119	5	2555102160026	TC.COT.K25.5A	Lù Văn Thế	Nam	24/6/2010	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005347	
120	6	2555102160030	TC.COT.K25.5A	Chảo Xuân Tiến	Nam	02/11/2010	Dao	Láo Sáng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210001678	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
121	7	2555102160032	TC.COT.K25.5A	Lò Sành Tùng	Nam	14/02/2010	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010210005960	
	Lớp Trung cấp Công nghệ ô tô K25.5B: 5 Học sinh														
122	1	2555102160036	TC.COT.K25.5B	Thần Văn Bằng	Nam	21/10/2010	Nùng	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	010210003712	
123	2	2555102160043	TC.COT.K25.5B	Lý A Giàng	Nam	01/12/2010	Hmông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210000420	
124	3	2555102160046	TC.COT.K25.5B	Lù Xuân Hiểu	Nam	20/4/2010	Nùng	Bản Mí	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005978	
125	4	2555102160051	TC.COT.K25.5B	Nguyễn Văn Mười	Nam	01/01/2010	Tày	Bản Đao	Xuân Hòa	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210007491	
126	5	2555102160063	TC.COT.K25.5B	Tráng Văn Vinh	Nam	15/5/2010	Nùng	Nậm Hu	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009788	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.4: 21 Học sinh														
127	1	2455201230015	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Chư	Nam	01/9/2008	HMông	Ngải Thầu	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010208007548	
128	2	2455201230018	TC.HAN.K24.4	Triệu Chỏi Nhất	Nam	27/9/2009	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207000061	
129	3	2455201230026	TC.HAN.K24.4	Giàng Minh Tiến	Nam	13/01/2009	HMông	Xà Phìn	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005405	
130	4	2455201230031	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Dìn	Nam	27/7/2009	Hmông	Cốc Ly Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001428	
131	5	2455201230034	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Hải	Nam	24/12/2009	Hmông	Sín Chải	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008780	
132	6	2455201230035	TC.HAN.K24.4	Sùng Seo Hạng	Nam	17/9/2009	Mông	Cốc Sám	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002469	
133	7	2455201230036	TC.HAN.K24.4	Chấu Seo Hường	Nam	23/5/2009	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	010209003999	
134	8	2455201230038	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Lò	Nam	11/10/2009	Hmông	Chồ Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010209001108	
135	9	2455201230040	TC.HAN.K24.4	Sần Văn Lực	Nam	29/6/2009	Nùng	Nậm Giá	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006291	
136	10	2455201230041	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Páo	Nam	11/10/2009	Hmông	Chồ Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010209004379	
137	11	2455201230042	TC.HAN.K24.4	Vàng Seo Phừ	Nam	06/11/2009	Hmông	Sín Giảo Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	010209008333	
138	12	2455201230043	TC.HAN.K24.4	Ly Seo Quan	Nam	17/8/2009	Mông	Sín Chải Cờ Cài	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002909	
139	13	2455201230044	TC.HAN.K24.4	Vù Seo Sang	Nam	25/02/2009	HMông	Quản Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010209008716	
140	14	2455201230045	TC.HAN.K24.4	Lèng Sào Tấn	Nam	12/01/2009	Nùng	Sông Lầm	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209000039	
141	15	2455201230046	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Tàu	Nam	01/5/2009	HMông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209007650	
142	16	2455201230047	TC.HAN.K24.4	Lâm A Thăng	Nam	01/3/2009	Tày	Pắc Kẹ	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209000379	
143	17	2455201230048	TC.HAN.K24.4	Giàng Seo Thắng	Nam	19/6/2009	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006847	
144	18	2455201230049	TC.HAN.K24.4	Ma Seo Thao	Nam	11/6/2009	HMông	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009335	
145	19	2455201230053	TC.HAN.K24.4	Cháng Mí Vàng	Nam	09/10/2009	Mông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	020209010290	
146	20	2455201230056	TC.HAN.K24.4	Vàng Seo Hà	Nam	27/10/2008	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010208002531	
147	21	2455201230060	TC.HAN.K24.4	Hạng Seo Sèng	Nam	15/01/2009	HMông	Pả Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005186	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.5: 3 Học sinh														
148	1	2455201230001	TC.HAN.K24.5	Nguyễn Đình Bắc	Nam	23/01/2009	Tày	Cù Hà	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209002318	
149	2	2455201230007	TC.HAN.K24.5	Đình Tiến Lợi	Nam	28/7/2009	Tày	Cù Hà	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209001380	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
150	3	2455201230012	TC.HAN.K24.5	Lục Minh Tiến	Nam	31/7/2009	Tày	Tà Thàng	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209007882	
	Lớp Trung cấp Hàn K24.6: 8 Học sinh														
151	1	2455201230069	TC.HAN.K24.6	Vàng Tuấn Anh	Nam	17/12/2009	Mông	Máo Chóa Sủ Ngải	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	014209013179	
152	2	2455201230071	TC.HAN.K24.6	Ly Công Bình	Nam	13/8/2009	HMông	Choán Ván	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003572	
153	3	2455201230073	TC.HAN.K24.6	Sùng Thị Din	Nữ	23/12/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309037176	
154	4	2455201230081	TC.HAN.K24.6	Sùng Thị Hoa	Nữ	01/7/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309001499	
155	5	2455201230084	TC.HAN.K24.6	Thào Dền Lợi	Nam	10/3/2009	Pa Dí	Sa Pả	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002757	
156	6	2455201230086	TC.HAN.K24.6	Tráng Thín Mai	Nữ	23/9/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309000190	
157	7	2455201230088	TC.HAN.K24.6	Ly Xuân Minh	Nam	19/01/2009	Dao	Cốc Râm	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006126	
158	8	2455201230102	TC.HAN.K24.6	Thào Văn Thường	Nam	08/02/2009	Pa Dí	Sa Pả	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006777	
	Lớp Trung cấp Hàn K25.4: 22 Học sinh														
159	1	2555201230040	TC.HAN.K25.4	Ly Seo Công	Nam	08/3/2010	H'mông	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005205	
160	2	2555201230041	TC.HAN.K25.4	Ma Anh Cùi	Nam	01/7/2010	HMông	Sán Sả Hồ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210003349	
161	3	2555201230042	TC.HAN.K25.4	Tần Seo Cường	Nam	05/5/2009	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209000384	
162	4	2555201230043	TC.HAN.K25.4	Sùng Seo Chín	Nam	29/10/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210004827	
163	5	2555201230046	TC.HAN.K25.4	Ma Văn Hải	Nam	15/8/2010	Mông	Kho Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210000512	
164	6	2555201230047	TC.HAN.K25.4	Thào Seo Hồ	Nam	03/8/2010	H'mông	Tổng Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210006294	
165	7	2555201230048	TC.HAN.K25.4	Trương Văn Hòa	Nam	13/8/2010	Dao	Nậm Khánh	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210008037	
166	8	2555201230049	TC.HAN.K25.4	Vàng A Kiên	Nam	26/02/2009	Tày	Pắc Kẹ	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008338	
167	9	2555201230050	TC.HAN.K25.4	Sùng A Lai	Nam	15/5/2010	Mông	Sín Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010210003172	
168	10	2555201230053	TC.HAN.K25.4	Lý Văn Minh	Nam	06/7/2010	Hmông	Háng Dù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210001974	
169	11	2555201230054	TC.HAN.K25.4	Sùng A Mùa	Nam	10/11/2010	Mông	Sản Chư Ván	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210003209	
170	12	2555201230056	TC.HAN.K25.4	Vàng Văn Nam	Nam	10/10/2009	Tày	Nậm Sóm	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209007623	
171	13	2555201230057	TC.HAN.K25.4	Ngô Văn Nhẫn	Nam	25/10/2010	Kinh	Nậm Trì	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010210005315	
172	14	2555201230058	TC.HAN.K25.4	Vàng Seo Phà	Nam	12/01/2010	Mông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210009669	
173	15	2555201230059	TC.HAN.K25.4	Thào Seo Phái	Nam	06/3/2010	Mông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210004872	
174	16	2555201230060	TC.HAN.K25.4	Vàng Seo Phong	Nam	11/9/2010	Mông	Bản Phố 2	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010210007946	
175	17	2555201230061	TC.HAN.K25.4	Giàng Seo Phổng	Nam	02/11/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009757	
176	18	2555201230062	TC.HAN.K25.4	Vàng Seo Phừ	Nam	14/3/2010	HMông	Sản Chư Ván	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210008010	
177	19	2555201230064	TC.HAN.K25.4	Tráng Seo Sần	Nam	26/12/2009	Mông	Bản Phố 2C	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209005322	
178	20	2555201230065	TC.HAN.K25.4	Sùng Seo Sanh	Nam	18/12/2010	Mông	Cốc Sám	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210009226	
179	21	2555201230067	TC.HAN.K25.4	Sùng Seo Sêng	Nam	01/5/2010	Hmông	Phìn Giàng	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005139	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
180	22	2555201230071	TC.HAN.K25.4	Giàng Seo Tuấn	Nam	02/02/2010	Mông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010210008446	
	Lớp Trung cấp Hàn K25.5: 5 Học sinh														
181	1	2555201230006	TC.HAN.K25.5	Đặng Quang Đức	Nam	04/7/2010	Dao	Nậm Kha 2	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210002273	
182	2	2555201230014	TC.HAN.K25.5	Đoàn Mạnh Nguyên	Nam	29/10/2009	Kinh	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010209007986	
183	3	2555201230018	TC.HAN.K25.5	Vàng Sèo Páo	Nam	08/12/2009	Mông	Na Mạ 2	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209002467	
184	4	2555201230022	TC.HAN.K25.5	Sùng Văn Sơn	Nam	14/01/2010	Hmông	Lũng Pô 1	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005114	
185	5	2555201230025	TC.HAN.K25.5	Chấu Thành Tiên	Nam	12/8/2010	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010210009517	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K24: 12 Sinh viên														
186	1	2468101030007	CĐ.HDL.K24	Nguyễn Thị Diễm	Nữ	06/8/2006	Kinh	Làng Bông	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	010306004933	
187	2	2468101030009	CĐ.HDL.K24	Lồ Thị Dung	Nữ	02/01/2006	H.Mông	Hmông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306004918	
188	3	2468101030012	CĐ.HDL.K24	Đặng Thị Hồng Duyên	Nữ	27/11/2001	Dao	Bản 2 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010301006228	
189	4	2468101030017	CĐ.HDL.K24	Phùng Mạnh Giang	Nam	28/9/2006	Tày	Bổng Buôm	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010206007297	
190	5	2468101030018	CĐ.HDL.K24	Ma A Giông	Nam	07/11/2006	HMông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206001096	
191	6	2468101030021	CĐ.HDL.K24	Giàng Thị May Hương	Nữ	14/6/2006	Hmông	Giàng Tra	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306003948	
192	7	2468101030022	CĐ.HDL.K24	Phù Đức Huy	Nam	02/9/2006	Thái	Bản Đán Đăm	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	012206000373	
193	8	2468101030029	CĐ.HDL.K24	Chào Tả Mây	Nữ	14/3/2006	Dao	Suối Thầu Dao	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	010306002881	
194	9	2468101030033	CĐ.HDL.K24	Sùng Thị Mú	Nữ	01/02/2006	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306005498	
195	10	2468101030039	CĐ.HDL.K24	Cư A Sáng	Nam	25/12/2006	Hmông	Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001821	
196	11	2468101030040	CĐ.HDL.K24	Giàng Thị Sảy	Nữ	12/3/2006	Hmông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306000813	
197	12	2468101030043	CĐ.HDL.K24	Hoàng Văn Thiệu	Nam	16/9/2006	Giáy	Nậm Choong	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010206005951	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25: 6 Sinh viên														
198	1	2568101030106	CĐ.HDL.K25	Thào Seo Tình	Nam	27/11/2007	H'Mông	Trung La	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010207006858	
199	2	2568101030004	CĐ.HDL.K25	Tao Ngọc Dung	Nữ	03/02/2007	Thái	Bản Pa Tàn	Pa Tàn	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012307006650	
200	3	2568101030015	CĐ.HDL.K25	Lý Tả Mây	Nữ	03/4/2004	Dao	Vù Lũng Sung	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010304000391	
201	4	2568101030020	CĐ.HDL.K25	Lý Thị Nhung	Nữ	12/11/2007	Dao	Thôn Bó	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307008258	
202	5	2568101030024	CĐ.HDL.K25	Lù Chí Quyết	Nam	17/7/2004	Nùng	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010204009026	
203	6	2568101030029	CĐ.HDL.K25	Vù Di Su	Nam	20/8/2008	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010308000220	
	Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25A.TTQ: 7 Sinh viên														
204	1	2568101030040	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Hoàng Thị Chải	Nữ	29/01/2006	Nùng	Pạc Trà	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306000361	
205	2	2568101030044	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Giàng Mạnh Cường	Nam	08/11/2007	Mông	Seng Sui	Lũng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207008613	
206	3	2568101030046	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Giàng Thị Dứa	Nữ	15/12/2007	Hmông	Bản Páy	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	010307008501	
207	4	2568101030049	CĐ.HDL.K25A.TTQ	Sùng Thị Duyên	Nữ	11/11/2007	Mông	Bản Chu Va 12	Bình Lư	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	012307003303	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
208	5	2568101030051	CD.HDL.K25A.TTQ	Triệu Thủy Hà	Nữ	17/6/2007	Dao	Phú Sơn	Tằng Loông	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010307003933	
209	6	2568101030065	CD.HDL.K25A.TTQ	Hàng Seo Lúa	Nam	15/9/2007	Mông	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207004256	
210	7	2568101030070	CD.HDL.K25A.TTQ	Chảo Thị Mùi	Nữ	01/8/2007	Dao	Bản Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012307008427	
Lớp Cao đẳng Hướng dẫn du lịch K25B.TTQ: 4 Sinh viên															
211	1	2568101030045	CD.HDL.K25B.TTQ	Trương Thị Bích Đào	Nữ	24/9/2007	Sán Chỉ	Đồng Mòng 2	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307003844	
212	2	2568101030075	CD.HDL.K25B.TTQ	Hàng Seo Phừ	Nam	25/10/2006	Mông	Nàn Sín	Sín Chéng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206003687	
213	3	2568101030095	CD.HDL.K25B.TTQ	Đặng Quang Văn	Nam	21/8/2004	Dao	Thôn 7 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010204005994	
214	4	2568101030096	CD.HDL.K25B.TTQ	Vàng Thị Viên	Nữ	23/12/2006	Hmông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010306001225	
Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K24: 6 Sinh viên															
215	1	2468101010010	CD.QDL.K24	Tao Thị Hương	Nữ	04/9/2006	Lự	Bản Hon	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012306000887	
216	2	2468101010012	CD.QDL.K24	Tần Thị Lành	Nữ	09/12/2004	Dao	Sín Câu	Tả Lèng	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012304001373	
217	3	2468101010018	CD.QDL.K24	Chảo San Mây	Nữ	24/8/2006	Dao	Kim Ngan	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306008289	
218	4	2468101010019	CD.QDL.K24	Lý Lờ Mây	Nữ	26/8/2006	Dao	Tả Chải	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306000838	
219	5	2468101010021	CD.QDL.K24	Sùng Thị Pằng	Nữ	24/10/2005	Hmông	Vạn Dền Sứ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305000913	
220	6	2468101010023	CD.QDL.K24	Vàng A Phừ	Nam	15/11/2005	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205003948	
Lớp Cao đẳng Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành K25: 5 Sinh viên															
221	1	2568101010001	CD.QDL.K25	Hoàng Thị Lan Anh	Nữ	11/01/2005	Thái	Bản Bó	Dương Quỳ	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305006289	
222	2	2568101010008	CD.QDL.K25	Phạm Minh Đức	Nam	05/12/2007	Kinh	Tân Lập	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	010207007496	
223	3	2568101010012	CD.QDL.K25	Hoàng Thị Hằng Nga	Nữ	15/9/2007	Dao	Thôn 4 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307005834	
224	4	2568101010018	CD.QDL.K25	Dương Thanh Trúc	Nữ	18/9/2007	Nùng	Nậm Dù	Xuân Quang	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010307003260	
225	5	2568101010020	CD.QDL.K25	Hù Ha Xa	Nam	27/4/2006	Xa Phó	Nậm Sang	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010206003378	
Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K24: 5 Sinh viên															
226	1	2468102010002	CD.QKS.K24	Tụ Thị Phương Anh	Nữ	20/11/2006	Tày	Làng Cháng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001347	
227	2	2468102010014	CD.QKS.K24	Phu Có Giở	Nam	10/10/2006	Hà Nhì	Lao Chải	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206003138	
228	3	2468102010017	CD.QKS.K24	Vũ Thảo Lan	Nữ	30/01/2006	Hmông	Bám Mẹt	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306007349	
229	4	2468102010019	CD.QKS.K24	Tần Tả Mây	Nữ	08/11/2005	Dao	Suối Thầu 3	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305004601	
230	5	2468102010023	CD.QKS.K24	Sần Xá Nơ	Nữ	01/01/2006	Hà Nhì	Choán Thèn	Y Tý	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001133	
Lớp Cao đẳng Quản trị khách sạn K25: 5 Sinh viên															
231	1	2568102010003	CD.QKS.K25	Lồ A Chinh	Nam	08/02/2007	Hmông	Lồ Lao Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207009860	
232	2	2568102010013	CD.QKS.K25	Lý Văn Hùng	Nam	15/3/2007	Dao	Tả Cù Tỷ	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207003291	
233	3	2568102010017	CD.QKS.K25	Nguyễn Thị Huyền Linh	Nữ	25/6/2005	Tày	Đồng Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010305000119	
234	4	2568102010024	CD.QKS.K25	Có Gi Sảng	Nam	28/10/2007	Hà Nhì	San Hồ	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207004333	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
235	5	2568102010036	CD.QKS.K25	Tao Văn Xeng	Nam	02/8/2007	Lự	Bản Hon	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207004189	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7A: 5 Học sinh														
236	1	2458101030023	TC.HDL.K24.7A	Vù Seo Sý	Nam	18/12/2009	HMông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010204004461	
237	2	2458101030026	TC.HDL.K24.7A	Thào Thị Dinh	Nữ	05/5/2009	HMông	San II	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309003591	
238	3	2458101030028	TC.HDL.K24.7A	Lý Thị Ghênh	Nữ	15/11/2009	HMông	Lao Hàng Chải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309000327	
239	4	2458101030030	TC.HDL.K24.7A	Lý Tả Mây	Nữ	02/11/2009	Dao	Nậm Ngán	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309006536	
240	5	2458101030031	TC.HDL.K24.7A	Chảo Mùi Nương	Nữ	06/4/2009	Dao	Bản Toòng	Bản Hồ	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010309004148	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K24.7B: 5 Học sinh														
241	1	2458101030054	TC.HDL.K24.7B	Vàng Thị Thâm	Nữ	20/12/2009	Mông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309009679	
242	2	2458101030055	TC.HDL.K24.7B	Lồ Thị Dờ	Nữ	09/9/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010309002907	
243	3	2458101030056	TC.HDL.K24.7B	Lồ Thị Mỷ	Nữ	19/6/2009	HMông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010308007578	
244	4	2458101030059	TC.HDL.K24.7B	Hạng Thị Sâu	Nữ	10/10/2009	HMông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010309002168	
245	5	2458101030064	TC.HDL.K24.7B	Giàng Thị Xua	Nữ	15/6/2009	Mông	Thôn Hàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309009152	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.5: 9 Học sinh														
246	1	2558101030004	TC.HDL.K25.5	Vù A Choê	Nam	02/12/2010	HMông	Tả Cồ Thàng	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210008298	
247	2	2558101030008	TC.HDL.K25.5	Phạm Mai Giang	Nữ	11/5/2010	Kinh	Tổ 1	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	025310011214	
248	3	2558101030014	TC.HDL.K25.5	Chang Thị Ka	Nữ	29/10/2010	Hmông	Giàng Tra	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310003453	
249	4	2558101030017	TC.HDL.K25.5	Tải Huyền Lam	Nữ	20/10/2010	Nùng	Nậm Pán	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310004381	
250	5	2558101030020	TC.HDL.K25.5	Phùng Thị Loan	Nữ	03/4/2010	Dao	Ngải Trỏ	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310002977	
251	6	2558101030028	TC.HDL.K25.5	Vàng Seo Phiên	Nam	20/3/2010	Hmông	Lao Phú Sáng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010210005228	
252	7	2558101030029	TC.HDL.K25.5	Tráng Seo Quang	Nam	23/6/2010	Mông	Dìn Chín 1	Pha Long	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009371	
253	8	2558101030032	TC.HDL.K25.5	Hoàng Thị Sín	Nữ	02/01/2010	Mông	Pạc Bo	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	010310006432	
254	9	2558101030036	TC.HDL.K25.5	Sùng Seo Tiễn	Nam	08/01/2010	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ nghèo	100	010210009603	
	Lớp Trung cấp Hướng dẫn du lịch K25.7: 5 Học sinh														
255	1	2558101030051	TC.HDL.K25.7	Giàng A Cáng	Nam	13/7/2010	Hmông	Tả Van Mông	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210002225	
256	2	2558101030054	TC.HDL.K25.7	Thào Thị Chú	Nữ	15/9/2010	Hmông	Hòa Sừ Pán 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310004451	
257	3	2558101030055	TC.HDL.K25.7	Hạng A Dể	Nam	01/01/2010	Hmông	Sẻo Mỹ Tỷ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005747	
258	4	2558101030064	TC.HDL.K25.7	Giàng A Phùng	Nam	08/02/2009	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209000048	
259	5	2558101030070	TC.HDL.K25.7	Lồ Thị Sóng	Nữ	15/6/2010	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310002784	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.1: 8 Học sinh														
260	1	2453403020089	TC.NNK.K24.1	Bản Trọng Vi	Nam	22/7/2009	Dao	Tần Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010209004640	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
261	2	2458102050054	TC.NNK.K24.1	Lý Thị Ngọc Ánh	Nữ	25/9/2009	Dao	Nhai Tền 1	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309002618	
262	3	2458102050071	TC.NNK.K24.1	Triệu Chí Hùng	Nam	07/4/2009	Dao	Phú Sơn	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Khuyết tật	100	010209004223	
263	4	2458102050076	TC.NNK.K24.1	Cư Seo Mãnh	Nam	18/12/2009	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006102	
264	5	2458102050079	TC.NNK.K24.1	Trương Thị Ngọc	Nữ	15/6/2009	Dao	Làng Đền	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010309006995	
265	6	2458102050082	TC.NNK.K24.1	Trần Thị Kim Phượng	Nữ	07/8/2009	Kinh	Phú Long 2	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	010309031519	
266	7	2458102050096	TC.NNK.K24.1	Đặng Quốc Việt	Nam	16/6/2008	Kinh	Làng Bông	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	010208004377	
267	8	2458102050098	TC.NNK.K24.1	Bàn Thị Yến	Nữ	11/4/2009	Dao	Quyết Tâm	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010309007675	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.4: 22 Học sinh														
268	1	2458102050101	TC.NNK.K24.4	Vàng Thị Kim Dung	Nữ	20/11/2009	Tày	Sá Mào Phố	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309005699	
269	2	2458102050105	TC.NNK.K24.4	Vàng Thị Ngát	Nữ	25/6/2009	Tày	Đội 2	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309005501	
270	3	2458102050106	TC.NNK.K24.4	Vàng Thị Thanh Phương	Nữ	24/5/2009	Phù Lá	Na Hối Tày	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309007533	
271	4	2458102050107	TC.NNK.K24.4	Sùng Seo Sanh	Nam	27/8/2009	Mông	Pà Chư Tỷ	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009734	
272	5	2458102050110	TC.NNK.K24.4	Vù Xuân Trắng	Nam	01/7/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209004375	
273	6	2458102050112	TC.NNK.K24.4	Ma Thị Lan Anh	Nữ	19/01/2009	HMông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309008959	
274	7	2458102050114	TC.NNK.K24.4	Lục Tứ Chức	Nam	01/3/2009	Nùng	Na Lang	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209005853	
275	8	2458102050115	TC.NNK.K24.4	Vàng Tiến Đạt	Nam	22/12/2009	La Chí	Nậm Giá	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003409	
276	9	2458102050116	TC.NNK.K24.4	Lùng Văn Đình	Nam	03/8/2009	Nùng	Na Ân	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009041	
277	10	2458102050118	TC.NNK.K24.4	Hoàng Thị Gương	Nữ	22/7/2009	Nùng	Nậm Làn Cốc Cài	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309008620	
278	11	2458102050119	TC.NNK.K24.4	Thên Thị Hạnh	Nữ	03/10/2009	Nùng	Nậm Thắng	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309001759	
279	12	2458102050120	TC.NNK.K24.4	Triệu Xuân Hiếu	Nam	11/12/2009	Dao	Làng Tát	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006410	
280	13	2458102050123	TC.NNK.K24.4	Thào Seo Hồng	Nam	05/01/2007	HMông	Nậm Thổ	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010207008138	
281	14	2458102050124	TC.NNK.K24.4	Nguyễn Hữu Hưng	Nam	03/4/2009	Kinh	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	60	010209006328	
282	15	2458102050126	TC.NNK.K24.4	Hoàng Thị Loan	Nữ	01/01/2009	Nùng	Nậm Mòn	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309007659	
283	16	2458102050127	TC.NNK.K24.4	Triệu Quang Lực	Nam	12/10/2009	Dao	Làng Cù	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008389	
284	17	2458102050129	TC.NNK.K24.4	Triệu Phúc Quang	Nam	13/4/2009	Dao	Làng Cù	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008970	
285	18	2458102050131	TC.NNK.K24.4	Sùng Thị Sờ	Nữ	16/3/2009	Mông	Dì Thành	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010309007170	
286	19	2458102050132	TC.NNK.K24.4	Lềng Văn Thiểu	Nam	15/5/2008	Nùng	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208008454	
287	20	2458102050134	TC.NNK.K24.4	Liều Văn Tinh	Nam	05/6/2009	Tày	Sá Mào Phố	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007486	
288	21	2458102050142	TC.NNK.K24.4	Lù Thị Hiếu	Nữ	09/4/2009	Nùng	Nậm Táng	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309003426	
289	22	2458102050151	TC.NNK.K24.4	Phạm Anh Thư	Nữ	12/11/2009	Kinh	Bảo Nhai	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010309007212	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.5: 1 Học sinh														
290	1	2458102050028	TC.NNK.K24.5	Sên Thị Kiều	Nữ	29/9/2008	Giáy	Cửa Cài	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010308004611	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.5.CLC: 3 Học sinh														
291	1	2458102050012	TC.NNK.K24.5.CLC	Bàn Thị Phấn	Nữ	19/3/2009	Dao	Ít Nộc	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010309005901	
292	2	2458102050014	TC.NNK.K24.5.CLC	Sùng Thị Phương	Nữ	09/9/2009	Hmông	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309001122	
293	3	2458102050018	TC.NNK.K24.5.CLC	Vàng Thị Thanh Thảo	Nữ	11/02/2008	Giáy	Đoàn Kết	Phong Thổ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012308007447	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7A: 6 Học sinh														
294	1	2458102050156	TC.NNK.K24.7A	Giảng A Ngọc	Nam	03/3/2009	Hmông	Nậm Than	Mường Bo	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209008858	
295	2	2458102050157	TC.NNK.K24.7A	Hầu Thị Báu	Nữ	25/9/2009	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004533	
296	3	2458102050160	TC.NNK.K24.7A	Thào A Chơ	Nam	07/9/2009	Hmông	San II	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009053	
297	4	2458102050165	TC.NNK.K24.7A	Lồ A Hàng	Nam	17/4/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209001269	
298	5	2458102050166	TC.NNK.K24.7A	Lý A Phay	Nam	05/12/2009	Hmông	TDP Sa Pa 2	Sa Pa	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209000252	
299	6	2458102050168	TC.NNK.K24.7A	Lồ A Sáu	Nam	06/11/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209000375	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K24.7B: 6 Học sinh														
300	1	2458102050196	TC.NNK.K24.7B	Lồ Thị Dưa	Nữ	22/9/2009	Mông	Hang Đá	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309007703	
301	2	2458102050206	TC.NNK.K24.7B	Chang A Phong	Nam	01/4/2009	Hmông	Tả Van Dáy 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209004418	
302	3	2458102050209	TC.NNK.K24.7B	Hầu Thường Trang	Nam	08/8/2009	Hmông	Dền Thàng	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004166	
303	4	2458102050212	TC.NNK.K24.7B	Lý Thị Xao	Nữ	10/12/2009	Mông	TDP Cầu Mây 2	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010309004391	
304	5	2458102050215	TC.NNK.K24.7B	Lý A Hồng	Nam	21/7/2009	Hmông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006401	
305	6	2458102050229	TC.NNK.K24.7B	Chang A Lù	Nam	23/01/2009	Hmông	Tả Van Dáy 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209001479	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5: 1 Học sinh														
306	1	2558102050062	TC.NNK.K25.5	Vàng Thị Xoa	Nữ	30/6/2010	Mông	Nậm Hán 1	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310005241	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.5.CLC: 3 Học sinh														
307	1	2558102050001	TC.NNK.K25.5.CLC	Lý Thị Cá	Nữ	19/6/2010	Hmông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310006462	
308	2	2558102050015	TC.NNK.K25.5.CLC	Tần Lờ Mẩy	Nữ	27/10/2010	Dao	Ngải Trỏ	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310001694	
309	3	2558102050018	TC.NNK.K25.5.CLC	Tráng Thị Nguyễn	Nữ	05/02/2010	Nùng	Na Cạp	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310009435	
	Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7A: 7 Học sinh														
310	1	2558102050074	TC.NNK.K25.7A	Giảng Thị Chư	Nữ	10/01/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010310000318	
311	2	2558102050075	TC.NNK.K25.7A	Vàng A Chừ	Nam	18/4/2010	Hmông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210003227	
312	3	2558102050076	TC.NNK.K25.7A	Hạng A Chừ	Nam	28/8/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210000095	
313	4	2558102050077	TC.NNK.K25.7A	Lồ A Cờ	Nam	27/01/2009	Hmông	Lồ	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209009090	
314	5	2558102050079	TC.NNK.K25.7A	Vàng Thị Dinh	Nữ	20/10/2010	Hmông	TDP Ô Quý Hồ 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010310004621	
315	6	2558102050080	TC.NNK.K25.7A	Lồ Thị Dờ	Nữ	20/10/2009	Hmông	TDP Sa Pả 4	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010309000342	
316	7	2558102050102	TC.NNK.K25.7A	Thào A Tra	Nam	05/3/2010	Hmông	Lao Chải San 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005494	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
Lớp Trung cấp Nghiệp vụ nhà hàng, khách sạn K25.7B: 8 Học sinh															
317	1	2558102050106	TC.NNK.K25.7B	Lý Thị Bâu	Nữ	06/5/2010	Mông	Bản Pho	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310001404	
318	2	2558102050108	TC.NNK.K25.7B	Hàng A Chơ	Nam	22/7/2010	Mông	Tả Ghênh	Phình Hồ	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	015210005900	
319	3	2558102050111	TC.NNK.K25.7B	Châu A Hinh	Nam	25/8/2008	Hmông	Chu Lìn 1	Tả Phìn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208001106	
320	4	2558102050114	TC.NNK.K25.7B	Vàng A Lê	Nam	04/4/2010	Hmông	Ý Linh Hồ 2	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210007555	
321	5	2558102050116	TC.NNK.K25.7B	Hạng A Lừ	Nam	22/10/2010	Hmông	TDP Sa Pá 3	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210009836	
322	6	2558102050129	TC.NNK.K25.7B	Giàng A Tùng	Nam	28/6/2009	Mông	San 1	Tả Van	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002513	
323	7	2558102050130	TC.NNK.K25.7B	Hạng A Vàng	Nam	04/8/2010	Hmông	TDP Hàm Rồng 1	Sa Pa	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210001996	
324	8	2558102050134	TC.NNK.K25.7B	Má Thị Xua	Nữ	17/12/2009	Hmông	TDP Hàm Rồng 2	Sa Pa	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010309006599	
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K23.CLC: 5 Sinh viên															
325	1	2365202270004	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Mai Minh Công	Nam	10/01/2005	Kinh	Đông Cắm	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010205006565	
326	2	2365202270007	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Hoàng Đức Hiệp	Nam	15/6/2004	Tày	Bản Chang	Phúc Lợi	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	015204000130	
327	3	2365202270019	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Lý Láo Tả	Nam	29/3/2005	Dao	Ngải Trỏ	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205002851	
328	4	2365202270020	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Tần Lao Tả	Nam	20/9/2004	Dao	Lao Chải	Sì Lở Lầu	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012204003510	
329	5	2365202270021	CĐ.ĐCN.K23.CLC	Tần Láo Tả	Nam	11/02/2005	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205001452	
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24.CLC: 4 Sinh viên															
330	1	2465202270002	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Tần Hữu Biên	Nam	19/5/2006	Dao	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206008314	
331	2	2465202270015	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Phàng A Sinh	Nam	01/4/2006	Mông	Sàng Ma Sáo	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206005273	
332	3	2465202270016	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Cháo Láo Tả	Nam	28/12/2006	Dao	Ky Quan San	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206003171	
333	4	2465202270020	CĐ.ĐCN.K24.CLC	Đặng Văn Vị	Nam	19/02/2006	Dao	Làng Pằm	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206003796	
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24A: 1 Sinh viên															
334	1	2465202270053	CĐ.ĐCN.K24A	Lù Thanh Tùng	Nam	22/5/2006	Giáy	Nậm Cùm	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206007929	
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24B: 7 Sinh viên															
335	1	2465202270055	CĐ.ĐCN.K24B	Lường Văn Dân	Nam	22/6/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206003336	
336	2	2465202270056	CĐ.ĐCN.K24B	Lý Suy Do	Nam	01/6/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206007745	
337	3	2465202270060	CĐ.ĐCN.K24B	Tòng Trung Khiển	Nam	12/8/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206003099	
338	4	2465202270066	CĐ.ĐCN.K24B	Vàng Văn Phúc	Nam	03/10/2006	Thái	Nà Hè	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206006151	
339	5	2465202270071	CĐ.ĐCN.K24B	Hoàng Minh Quang	Nam	05/7/2002	Giáy	Ná Ắn	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010202000859	
340	6	2465202270073	CĐ.ĐCN.K24B	Phạm Văn Quyền	Nam	10/6/2006	Kinh	Liên Hà 7	Bảo Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010206005879	
341	7	2465202270082	CĐ.ĐCN.K24B	Lò Anh Tuấn	Nam	13/7/2006	Thái	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206006189	
Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K24C: 3 Sinh viên															
342	1	2465202270105	CĐ.ĐCN.K24C	Sùng Seo Thắng	Nam	07/9/2006	HMông	Sả Ván Sừ Mản Khang	Lùng Phình	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206004732	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
343	2	2465202270106	CD.ĐCN.K24C	Lù Văn Thoan	Nam	20/02/2006	Thái	Nà Ngò	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206001834	
344	3	2465202270108	CD.ĐCN.K24C	Lò Văn Trục	Nam	11/10/2006	Thái	Bản Cang	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206000513	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25.CLC: 4 Sinh viên														
345	1	2565202270002	CD.ĐCN.K25.CLC	Giàng Seo Chiến	Nam	18/12/2007	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010207002755	
346	2	2565202270004	CD.ĐCN.K25.CLC	Hoàng Cao Chuẩn	Nam	22/7/1995	Tày	Tượng 1	Hợp Thành	Lào Cai	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010095009460	
347	3	2565202270008	CD.ĐCN.K25.CLC	Đặng San Dũng	Nam	10/7/2007	Dao	Tăng Loỏng	Tăng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010207002894	
348	4	2565202270019	CD.ĐCN.K25.CLC	Lò Văn Lâm	Nam	17/9/2004	Thái	Nậm Hàng	Nậm Hàng	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012204000385	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25A: 6 Sinh viên														
349	1	2565202270031	CD.ĐCN.K25A	Chảo Đức Anh	Nam	19/5/2007	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207009504	
350	2	2565202270040	CD.ĐCN.K25A	Trần Thế Duy	Nam	15/3/2004	Kinh	Thôn 3	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	Hộ nghèo	60	012204001779	
351	3	2565202270052	CD.ĐCN.K25A	Hoàng Văn Khánh	Nam	20/12/2007	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207003845	
352	4	2565202270055	CD.ĐCN.K25A	Lò Văn Lượng	Nam	05/01/2007	Thái	Bản Nà Hoi	Tân Uyên	Lai Châu	Xã khu vực II	TN PTDTNT	80	012207000186	
353	5	2565202270065	CD.ĐCN.K25A	Lò Văn Sú	Nam	16/6/2006	Dao	Quyết Tiến	Pắc Ta	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206001910	
354	6	2565202270070	CD.ĐCN.K25A	Vàng A Tinh	Nam	06/11/2007	Mông	Bản Hua Ít	Nậm Sỏ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207000796	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25B: 7 Sinh viên														
355	1	2565202270084	CD.ĐCN.K25B	Lý Thanh Bình	Nam	13/7/2006	Tày	Nhuần 3	Tăng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010206001010	
356	2	2565202270094	CD.ĐCN.K25B	Hoàng Bình Dương	Nam	09/12/2007	Tày	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010207001626	
357	3	2565202270096	CD.ĐCN.K25B	Lâm Văn Hải	Nam	01/02/2007	Tày	Đội 4	Bản Liền	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207000441	
358	4	2565202270109	CD.ĐCN.K25B	Hoàng Đức Lương	Nam	24/11/2007	Nùng	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207006738	
359	5	2565202270111	CD.ĐCN.K25B	Giàng Seo Minh	Nam	05/5/2007	Hmông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010207008252	
360	6	2565202270116	CD.ĐCN.K25B	Trần Bảo Quốc	Nam	19/11/2007	Kinh	Hàm Rỗng	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010207009168	
361	7	2565202270119	CD.ĐCN.K25B	Hoàng Minh Thư	Nam	20/11/2007	Tày	Trĩ Ngoài	Phúc Khánh	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207008639	
	Lớp Cao đẳng Điện công nghiệp K25C: 7 Sinh viên														
362	1	2565202270128	CD.ĐCN.K25C	Vũ Văn Chiến	Nam	09/10/2007	Kinh	Thôn 11	Bát Xát	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010207004411	
363	2	2565202270143	CD.ĐCN.K25C	Vàng A Kỳ	Nam	11/8/2007	Mông	Pờ Xi Ngai	Nậm Chày	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207006884	
364	3	2565202270144	CD.ĐCN.K25C	Vàng Văn Lỡ	Nam	06/01/2007	Dao	Láo Vàng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDTNT	80	010207005115	
365	4	2565202270161	CD.ĐCN.K25C	Lương Anh Tuấn	Nam	26/4/2003	Tày	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010203000611	
366	5	2565202270163	CD.ĐCN.K25C	Vương Thanh Tùng	Nam	18/01/2007	Tày	Bẻ 1	Chiềng Ken	Lào Cai	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207007879	
367	6	2565202270164	CD.ĐCN.K25C	Lý Văn Tường	Nam	12/11/2007	Thái	Bản Mẩn 1	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207004196	
368	7	2565202270165	CD.ĐCN.K25C	Phà A Va	Nam	03/9/2002	HMông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010202003585	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24A: 1 Sinh viên														
369	1	2465202050015	CD.KML.K24A	Lý Ngọc Tuấn	Nam	06/5/2006	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009616	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24B: 1 Sinh viên														
370	1	2465202050034	CD.KML.K24B	Nguyễn Bảo Khương	Nam	27/9/2006	Kinh	Bản Mẹt	Bảo Nhai	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010206000582	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25A: 4 Sinh viên														
371	1	2565202050004	CD.KML.K25A	Trần Thành Công	Nam	15/4/2007	Kinh	Nậm Sắt 4	Bắc Hà	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010207004993	
372	2	2565202050007	CD.KML.K25A	Lò Đức Duy	Nam	30/12/2007	Thái	Bản Ến Nội	Than Uyên	Lai Châu	Xã khu vực I	Khuyết Tật	100	012207005656	
373	3	2565202050009	CD.KML.K25A	La Mạnh Hoàn	Nam	31/7/2007	Tày	Bản Mạ	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010207006035	
374	4	2565202050024	CD.KML.K25A	Hoàng Trung Phước	Nam	17/01/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010207006412	
	Lớp Cao đẳng Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25B: 3 Sinh viên														
375	1	2565202050042	CD.KML.K25B	Nguyễn Đình Đức	Nam	31/10/2007	Kinh	Thôn 13	Văn Bàn	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	60	010207006638	
376	2	2565202050051	CD.KML.K25B	Hoàng Đình Luẩn	Nam	28/10/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	Xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010207004849	
377	3	2565202050063	CD.KML.K25B	Thào A Thường	Nam	21/11/2006	Mông	Phùng Mông	Bản Hồ	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010206007496	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24A: 8 Sinh viên														
378	1	2465202460004	CD.VTĐ.K24A	Tao Thanh Chi	Nam	05/10/2006	Thái	Huổi Hán	Sin Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206006318	
379	2	2465202460006	CD.VTĐ.K24A	Ly Co Co	Nam	15/8/2006	La Hủ	Phì Khò	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206001378	
380	3	2465202460008	CD.VTĐ.K24A	Sí Quốc Cường	Nam	03/01/2006	Giáy	Ná An	Bản Xèo	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009863	
381	4	2465202460015	CD.VTĐ.K24A	Lò Văn Duy	Nam	04/10/2002	Thái	Nậm Hải	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012202004296	
382	5	2465202460016	CD.VTĐ.K24A	Phản Văn Đăng	Nam	20/8/2006	Dao	Nậm Tồn	Bản Liễn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009576	
383	6	2465202460021	CD.VTĐ.K24A	Vàng Văn Hải	Nam	01/4/2006	Thái	Phiêng Kham	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206005783	
384	7	2465202460022	CD.VTĐ.K24A	Lù Văn Hiệp	Nam	05/4/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206005853	
385	8	2465202460023	CD.VTĐ.K24A	Vương Hải Hiệp	Nam	26/6/2006	Tày	Khỏi Mèo	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010206008966	
	Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24B: 12 Sinh viên														
386	1	2465202460035	CD.VTĐ.K24B	Lý Mạnh Cường	Nam	08/3/2006	Thái	Bản Mẩn	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206006686	
387	2	2465202460036	CD.VTĐ.K24B	Nông Thị Diện	Nữ	23/8/2005	Thái	Bản Cang	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305000474	
388	3	2465202460037	CD.VTĐ.K24B	Vàng Thò Hừ	Nam	07/01/2005	La Hủ	Bản Phí Chi A	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012205004037	
389	4	2465202460040	CD.VTĐ.K24B	Pờ Thị Linh	Nữ	08/9/2005	Thái	Bản Cang	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305003068	
390	5	2465202460042	CD.VTĐ.K24B	Tổng Văn Long	Nam	03/11/2004	Thái	Nậm Cùm 2	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012204004364	
391	6	2465202460043	CD.VTĐ.K24B	Lù Văn Luân	Nam	10/3/2006	Thái	Nà Hừ 2	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206006812	
392	7	2465202460045	CD.VTĐ.K24B	Vàng Thị Như	Nữ	14/5/2005	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305000473	
393	8	2465202460046	CD.VTĐ.K24B	Ly Thanh Phà	Nam	13/02/2006	La Hủ	Bản A Mạ	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206008078	
394	9	2465202460047	CD.VTĐ.K24B	Vàng Văn Phi	Nam	26/4/2006	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206006247	
395	10	2465202460050	CD.VTĐ.K24B	Lý Thị Phương	Nữ	13/01/2006	Dao	Lũng Pô	A Mú Sung	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306002785	
396	11	2465202460056	CD.VTĐ.K24B	Vàng Văn Sở	Nam	05/3/2006	Tày	Nậm Lúc Hạ	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206002890	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
397	12	2465202460057	CD.VTĐ.K24B	Chim Văn Sơn	Nam	01/4/2006	Thái	Nà Hẻ	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206004665	
Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K24C: 6 Sinh viên															
398	1	2465202460074	CD.VTĐ.K24C	Mào Văn Lâm	Nam	08/6/2006	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206003374	
399	2	2465202460077	CD.VTĐ.K24C	Vàng A Lè	Nam	05/9/2006	Hmông	Bản Phố	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206004545	
400	3	2465202460081	CD.VTĐ.K24C	Lù Đức Lương	Nam	20/11/2006	Thái	Nà Ấng	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206004345	
401	4	2465202460092	CD.VTĐ.K24C	Phàng A Thành	Nam	22/6/2006	Mông	Bản Phố	Dền Sáng	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100		
402	5	2465202460097	CD.VTĐ.K24C	Lò Vĩnh Tường	Nam	05/10/2005	Thái	Nậm Hải	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012205000349	
403	6	2465202460099	CD.VTĐ.K24C	Thào Minh Viên	Nam	27/6/2006	Mông	Bản Hợp 2	Đào San	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206007299	
Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25A: 19 Sinh viên															
404	1	2565202460001	CD.VTĐ.K25A	Phan Tuấn Bảo	Nam	02/02/2007	Thái	Phiêng Diễm	Lê Lợi	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207007146	
405	2	2565202460003	CD.VTĐ.K25A	Pờ Lo Cà	Nam	07/3/2007	La Hủ	Bản Sín Chải B	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207007735	
406	3	2565202460004	CD.VTĐ.K25A	Pờ Xế Cà	Nam	19/12/2007	La Hủ	Bản Sín Chải B	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207002693	
407	4	2565202460008	CD.VTĐ.K25A	Phạm Duy Cường	Nam	21/5/2000	Nùng	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	010200000977	
408	5	2565202460009	CD.VTĐ.K25A	Lù A Nù Da	Nam	07/10/2007	Hmông	Sản Phàng Cao	Khun Há	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207002327	
409	6	2565202460012	CD.VTĐ.K25A	Vàng Hừ Đô	Nam	07/12/2007	La Hủ	Mô Chi	Pa Ủ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207000578	
410	7	2565202460013	CD.VTĐ.K25A	Lý A Dung	Nam	10/8/2007	Mông	Huổi Linh	Mường Mô	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207000600	
411	8	2565202460016	CD.VTĐ.K25A	Đặng Văn Hà	Nam	23/3/2008	Dao	Nậm Lầy	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208003591	
412	9	2565202460017	CD.VTĐ.K25A	Mạ Xuân Hậu	Nam	02/5/2007	Hà Nhì	Bản Má Ký	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012207000807	
413	10	2565202460018	CD.VTĐ.K25A	Phùng Đức Huân	Nam	23/4/2007	La Hủ	Bản Seo Thèn	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207000510	
414	11	2565202460019	CD.VTĐ.K25A	Vàng Phi Hùng	Nam	30/6/2006	La Hủ	Bản Phí Chi A	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206007769	
415	12	2565202460022	CD.VTĐ.K25A	Phản Đình Khương	Nam	16/7/2006	Dao	Cốc Đàm	Cốc Lầu	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001348	
416	13	2565202460024	CD.VTĐ.K25A	Khoàng Thái Linh	Nam	19/01/2006	Hà Nhì	Bản Xi Nế	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206008088	
417	14	2565202460025	CD.VTĐ.K25A	Lý Văn Lực	Nam	17/5/2007	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207002011	
418	15	2565202460028	CD.VTĐ.K25A	Lường Văn Nam	Nam	07/02/2007	Thái	Bản Nà Phầy	Hua Bum	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207007659	
419	16	2565202460029	CD.VTĐ.K25A	Pờ Chà Nậm	Nam	17/7/2007	Si La	Bản Seo Hai	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207001677	
420	17	2565202460032	CD.VTĐ.K25A	Lò Văn Pinh	Nam	04/10/2006	Lự	Phìn Hồ	Hồng Thu	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206005561	
421	18	2565202460037	CD.VTĐ.K25A	Lò Văn Thương	Nam	06/3/2007	Cống	Bản Xám Láng	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207007529	
422	19	2565202460038	CD.VTĐ.K25A	Giàng A Tính	Nam	18/9/2007	Mông	Bản Nậm Dính	Tà Tổng	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207000804	
Lớp Cao đẳng Vận hành nhà máy thủy điện K25B: 16 Sinh viên															
423	1	2565202460047	CD.VTĐ.K25B	Hoàng Văn Đông	Nam	29/7/2007	Dáy	Thôn 12	Bát Xát	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010207000469	
424	2	2565202460046	CD.VTĐ.K25B	Cà Văn Công	Nam	20/10/2007	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207006619	
425	3	2565202460050	CD.VTĐ.K25B	Vàng A Dừng	Nam	15/7/2007	Hmông	Giàn Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207007690	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
426	4	2565202460055	CĐ.VTĐ.K25B	Thần Hồng Hải	Nam	20/4/2007	Giáy	Suối Thầu	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010207009677	
427	5	2565202460057	CĐ.VTĐ.K25B	Vàng A Hồng	Nam	23/11/2006	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206009719	
428	6	2565202460058	CĐ.VTĐ.K25B	Đao Văn Hùng	Nam	18/5/2007	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207002394	
429	7	2565202460064	CĐ.VTĐ.K25B	Phà A Linh	Nam	15/6/1996	HMông	Giàng Dứa Chải	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010096003325	
430	8	2565202460065	CĐ.VTĐ.K25B	Lý Đức Long	Nam	30/3/2006	Hà Nhì	Bản Gò Cự	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206006369	
431	9	2565202460066	CĐ.VTĐ.K25B	Lý Văn Long	Nam	12/02/1994	Cống	Bản Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012094003264	
432	10	2565202460067	CĐ.VTĐ.K25B	Long Bảo Lực	Nam	04/6/2007	Nùng	Nậm Păn	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207006350	
433	11	2565202460068	CĐ.VTĐ.K25B	Sùng A Minh	Nam	02/02/2006	Mông	Bản Căn Cầu	Sín Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206001993	
434	12	2565202460072	CĐ.VTĐ.K25B	Mùa A Phình	Nam	15/10/2007	Mông	Pa Tết	Mường Toong	Điện Biên	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207003328	
435	13	2565202460077	CĐ.VTĐ.K25B	Lò Văn Quỳnh	Nam	29/01/2007	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012207004592	
436	14	2565202460078	CĐ.VTĐ.K25B	Vàng A San	Nam	01/01/2007	Mông	Bản Căn Cầu	Sín Suối Hồ	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207004258	
437	15	2565202460082	CĐ.VTĐ.K25B	Giàng A Thi	Nam	04/3/2000	HMông	Mả Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010200005399	
438	16	2565202460086	CĐ.VTĐ.K25B	Chu Chu Tướng	Nam	19/8/2005	Hà Nhì	Bản Gò Cự	Mù Cà	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012205007399	
	Lớp Trung cấp Điện công nghiệp K24.5: 2 Học sinh														
439	1	2455202270021	TC.ĐCN.K24.5	Lủ Thái Ngọc	Nam	05/6/2009	Nùng	Na Vang	Cao Sơn	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006816	
440	2	2455202270027	TC.ĐCN.K24.5	Tải Văn Thông	Nam	01/12/2009	Nùng	Nậm Rúp	Mường Khương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009009	
	Lớp Trung cấp Điện dân dụng K25.5: 4 Học sinh														
441	1	2555202260007	TC.ĐDD.K25.5	Cao Sỹ Hùng	Nam	06/01/2009	Dao	Bản Trà	Thượng Hà	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004895	
442	2	2555202260008	TC.ĐDD.K25.5	Phan Văn Khiêm	Nam	14/8/2010	Nùng	Na Hạ	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010210004109	
443	3	2555202260019	TC.ĐDD.K25.5	La Công Vinh	Nam	17/01/2010	Tày	Mường 1	Gia Phú	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010210004433	
444	4	2555202260002	TC.ĐDD.K25.5	Lành Văn Cường	Nam	20/11/2006	Thái	Nà Ấng	Bum Tở	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012206005108	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật lắp đặt điện và điều khiển trong công nghiệp K24.1B: 4 Học sinh														
445	1	2455202010044	TC.KCN.K24.1B	Bàn Văn Diễn	Nam	06/3/2009	Dao	Trà Trầu	Bảo Thắng	Lào Cai	Xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010209003101	
446	2	2455202010054	TC.KCN.K24.1B	La Văn Hiếu	Nam	10/12/2009	Tày	Bảo Nhại	Bảo Nhại	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002481	
447	3	2455202010070	TC.KCN.K24.1B	Nguyễn Hồng Quân	Nam	02/4/2009	Kinh	Khởi Xá Ngoài	Bảo Nhại	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010209005725	
448	4	2455202010074	TC.KCN.K24.1B	Sùng Văn Thiếu	Nam	07/8/2009	Nùng	Vi Mã	Phong Hải	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002913	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K24.5: 1 Học sinh														
449	1	2455202050004	TC.KML.K24.5	Giàng A Minh	Nam	29/5/2009	HMông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209003435	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí K25.5: 2 Học sinh														
450	1	2555202050021	TC.KML.K25.5	Chảo Ông Ton	Nam	04/02/2010	Dao	Trát 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210002636	
451	2	2555202050024	TC.KML.K25.5	Trần Xuân Trường	Nam	21/11/2010	Kinh	Na Vai	Bản Lầu	Lào Cai	Xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	010210002454	
	Lớp Trung cấp Vận hành nhà máy thủy điện K25.5: 12 Học sinh														

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
452	1	2555202460001	TC.VTĐ.K25.5	Phà A Cánh	Nam	25/12/2010	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005662	
453	2	2555202460005	TC.VTĐ.K25.5	Giàng A Dế	Nam	16/3/2006	Hmông	Ma Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206002804	
454	3	2555202460007	TC.VTĐ.K25.5	Giàng Thị Hà	Nữ	20/10/2007	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006545	
455	4	2555202460008	TC.VTĐ.K25.5	Giàng A Khương	Nam	23/7/2010	HMông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210006388	
456	5	2555202460009	TC.VTĐ.K25.5	Giàng Thị Mừng	Nữ	13/02/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010308004957	
457	6	2555202460010	TC.VTĐ.K25.5	Mào Văn Ngân	Nam	25/11/2005	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012205007468	
458	7	2555202460011	TC.VTĐ.K25.5	Giàng A Nhừ	Nam	02/7/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208006162	
459	8	2555202460012	TC.VTĐ.K25.5	Phà A Sính	Nam	08/02/2008	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208000307	
460	9	2555202460013	TC.VTĐ.K25.5	Đào Văn Thuận	Nam	26/12/2003	Thái	Bản Bum	Bum Nưa	Lai Châu	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012203003905	
461	10	2555202460015	TC.VTĐ.K25.5	Giàng Thị Tươi	Nữ	13/11/2009	Hmông	Mà Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309007961	
462	11	2555202460016	TC.VTĐ.K25.5	Giàng A Vi	Nam	05/6/2007	Hmông	Ma Sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207005294	
463	12	2555202460018	TC.VTĐ.K25.5	Phà A Xã	Nam	06/10/2008	Hmông	Mà sa Phìn	Minh Lương	Lào Cai	Xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010208004181	
Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K23: 6 Sinh viên															
464	1	2367203010104	CĐ.ĐDU.K23	Cư Thành Công	Nam	27/8/2005	Hmông	Sáng Lùng Chéng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010205003766	
465	2	2367203010107	CĐ.ĐDU.K23	Đặng Thị Thu Hà	Nữ	02/10/2005	Dao	Bản 1	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305007388	
466	3	2367203010124	CĐ.ĐDU.K23	Vương Kim Thảo	Nữ	25/10/2004	Tày	Trung Tâm	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	010304000802	
467	4	2367203010125	CĐ.ĐDU.K23	Lục Thị Thúy	Nữ	24/7/2005	Tày	1 Vài Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305002660	
468	5	2367203010129	CĐ.ĐDU.K23	Ly Thị Út	Nữ	03/8/2005	Hmông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010305005657	
469	6	2367203010135	CĐ.ĐDU.K23	Cư Thị Hoa	Nữ	08/02/2005	HMông	Sín Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010305010054	
Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24C: 5 Sinh viên															
470	1	2467203010084	CĐ.ĐDU.K24C	Sùng Dính	Nữ	15/5/2006	Mông	Ngải Phóng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010306005818	
471	2	2467203010098	CĐ.ĐDU.K24C	Hoàng Thị Lan	Nữ	14/01/2001	Tày	Tổ 3	Cam Đường	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010301004326	
472	3	2467203010107	CĐ.ĐDU.K24C	Cư Sơn	Nam	08/4/2005	HMông	Lồ Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010205005009	
473	4	2467203010109	CĐ.ĐDU.K24C	Sùng Thảo	Nam	17/6/2006	HMông	Ngải Phóng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010206006254	
474	5	2467203010115	CĐ.ĐDU.K24C	Cư Thị Thương	Nữ	10/10/2006	Mông	Lồ Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306009568	
Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24D: 8 Sinh viên															
475	1	2467203010134	CĐ.ĐDU.K24D	Hoa Thị Hạnh	Nữ	15/10/2006	Giáy	Phảng Tao	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010306000226	
476	2	2467203010141	CĐ.ĐDU.K24D	Thèn Thị Luận	Nữ	13/02/2006	Nùng	Sín Chải	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010306002562	
477	3	2467203010142	CĐ.ĐDU.K24D	Hà Thị Luyến	Nữ	29/4/1998	Thái	Văn Tiến	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	015198004286	
478	4	2467203010148	CĐ.ĐDU.K24D	Hoàng Thị Quỳnh Nga	Nữ	25/10/2006	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306000933	
479	5	2467203010160	CĐ.ĐDU.K24D	Vàng Như Quỳnh	Nữ	27/01/2006	Tày	Na Lo	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010306004740	
480	6	2467203010161	CĐ.ĐDU.K24D	Hoàng Thị Say	Nữ	01/4/2006	Mông	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306007189	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
481	7	2467203010162	CĐ.ĐDU.K24D	Cư Minh Seng	Nam	30/10/2005	Hmông	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205008229	
482	8	2467203010171	CĐ.ĐDU.K24D	Lý Thị Tuyết	Nữ	16/02/2006	Dao	Quy Ke	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306003466	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K24E: 3 Sinh viên														
483	1	2467203010192	CĐ.ĐDU.K24E	Đặng Thị Ngân	Nữ	15/7/2005	Dao	Nậm Lầy	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	010305008570	
484	2	2467203010198	CĐ.ĐDU.K24E	Thào Thị Sanh	Nữ	23/3/2006	Mông	Nậm Vạc 1	Pa Tản	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012306003477	
485	3	2467203010210	CĐ.ĐDU.K24E	Hoàng Anh Tú	Nữ	01/01/2004	Hmông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	010304007418	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25B: 11 Sinh viên														
486	1	2567203010042	CĐ.ĐDU.K25B	Sùng Chu	Nữ	27/7/2007	H'mông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006030	
487	2	2567203010043	CĐ.ĐDU.K25B	Lương Thị Thanh Chúc	Nữ	03/9/2007	Nùng	Khau Dự	Mường Lai	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	015307002392	
488	3	2567203010044	CĐ.ĐDU.K25B	Nguyễn Thanh Chúc	Nữ	27/9/2007	Nùng	Khởi Bung	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006754	
489	4	2567203010045	CĐ.ĐDU.K25B	Thào Thị Diễm	Nữ	24/5/2007	Pa Dí	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307005356	
490	5	2567203010046	CĐ.ĐDU.K25B	Phạm Minh Đức	Nam	12/10/2007	Kinh	Na Năng	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	60	010207003816	
491	6	2567203010054	CĐ.ĐDU.K25B	Lý Thị Thanh Liêm	Nữ	27/10/2007	Dao	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307002233	
492	7	2567203010060	CĐ.ĐDU.K25B	Sùng Mai	Nữ	08/01/2006	HMông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306009341	
493	8	2567203010066	CĐ.ĐDU.K25B	Lầu Thị Sâu	Nữ	03/9/2007	Hmông	Ngải Thầu	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307005491	
494	9	2567203010068	CĐ.ĐDU.K25B	Hầu Thị Sơn	Nữ	20/3/2007	HMông	Phan Cán Sứ	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307004536	
495	10	2567203010081	CĐ.ĐDU.K25B	Lý Thị Xinh	Nữ	18/3/2007	HMông	Làng Mới	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307004714	
496	11	2567203010083	CĐ.ĐDU.K25B	Sùng Thị Xuân	Nữ	01/02/2007	Mông	Ngải Phổng Chồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010307004887	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25C: 8 Sinh viên														
497	1	2567203010092	CĐ.ĐDU.K25C	Lùng Thị Hoài Cúc	Nữ	19/12/2007	Nùng	Nàn Vái	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận Nghèo	100	010307001924	
498	2	2567203010095	CĐ.ĐDU.K25C	Vàng Xí De	Nữ	14/6/2007	La Hù	Chà Gá	Bum Nưa	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	123070072014	
499	3	2567203010100	CĐ.ĐDU.K25C	Hoàng Thị Kim Dung	Nữ	04/02/2007	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	100307006418	
500	4	2567203010108	CĐ.ĐDU.K25C	Vùi Thị Hằng	Nữ	08/10/2007	Giáy	Bản Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	012307001832	
501	5	2567203010113	CĐ.ĐDU.K25C	Lý Thị Huệ	Nữ	05/02/2007	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	012307000511	
502	6	2567203010117	CĐ.ĐDU.K25C	Giàng Minh Huy	Nam	29/7/2007	HMông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận Nghèo	100	010207008455	
503	7	2567203010127	CĐ.ĐDU.K25C	Lý Thu Linh	Nữ	21/9/2007	Dao	Bản Trang	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010307001654	
504	8	2567203010129	CĐ.ĐDU.K25C	Ma Văn Lương	Nam	19/12/2006	HMông	Bãi Bằng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010206010073	
	Lớp Cao đẳng Điều dưỡng K25D: 6 Sinh viên														
505	1	2567203010151	CĐ.ĐDU.K25D	Đặng Thúy Nguyên	Nữ	08/3/2006	Dao	Tân Thắng	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010306006201	
506	2	2567203010157	CĐ.ĐDU.K25D	Nguyễn Thị Bích Phượng	Nữ	04/7/2007	Kinh	Đo Ngoài	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	010307003296	
507	3	2567203010159	CĐ.ĐDU.K25D	Trần Như Quỳnh	Nữ	24/9/2007	Kinh	Đo Ngoài	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	60	010307004597	
508	4	2567203010161	CĐ.ĐDU.K25D	Lưu Thị Minh Tâm	Nữ	25/7/2007	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010307005047	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
509	5	2567203010166	CĐ.ĐDU.K25D	Đào Thị Thủy	Nữ	20/02/2007	Thái	Mường Tè	Mường Tè	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	012307003935	
510	6	2567203010173	CĐ.ĐDU.K25D	Vàng Thị Kiều Trinh	Nữ	15/01/2007	Tày	Na Pắc Ngam	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010307002847	
	Lớp Cao đẳng Dược K23: 5 Sinh viên														
511	1	2367202010052	CĐ.DUO.K23	Giàng Thị Ca	Nữ	26/02/2004	Mông	Nà Ké 1	Hồng Thu	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	012304000327	
512	2	2367202010062	CĐ.DUO.K23	Đào Minh Hiếu	Nam	19/12/2004	Thái	Nà Lang	Bum Nưa	Lai Châu	xã khu vực III	Khuyết tật	100	012204001350	
513	3	2367202010070	CĐ.DUO.K23	Phản Thị Diệu Linh	Nữ	16/7/2005	Dao	Quy Ke	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	001305010070	
514	4	2367202010079	CĐ.DUO.K23	Đặng Ngọc Quỳnh	Nữ	27/12/2005	Dao	Vĩ Kềm	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010305007909	
515	5	2367202010085	CĐ.DUO.K23	Hoàng Thị Thu Trang	Nữ	16/10/2005	Tày	Tượng 1	Hợp Thành	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDNT	80	010305000722	
	Lớp Cao đẳng Dược K24A: 6 Sinh viên														
516	1	2467202010004	CĐ.DUO.K24A	Hoàng Thị Dính	Nữ	20/7/2002	Mông	Na Lốc 4	Bán Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDNT	80	010302000240	
517	2	2467202010005	CĐ.DUO.K24A	Nguyễn Ánh Dương	Nữ	24/3/2006	Mường	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ Nghèo	100	010306006745	
518	3	2467202010008	CĐ.DUO.K24A	Sào Suy Gộ	Nữ	13/5/2002	Hà Nhì	A Lù 1	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010302008322	
519	4	2467202010020	CĐ.DUO.K24A	Ngô Thị Huyền My	Nữ	08/10/2006	Kinh	Tân Thượng	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDNT	80	010306004723	
520	5	2467202010025	CĐ.DUO.K24A	Phan Bích Ngọc	Nữ	02/01/2006	Tày	Nà Lọc 1	Văn Bản	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDNT	80	010306007258	
521	6	2467202010029	CĐ.DUO.K24A	Đỗ Thị Hải Yến	Nữ	05/12/2003	Kinh	Nậm Kha 2	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	0100303001519	
	Lớp Cao đẳng Dược K24B: 5 Sinh viên														
522	1	2467202010033	CĐ.DUO.K24B	Giàng Thị Giáo	Nữ	29/7/2006	Mông	Thào Hồng Dền	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010306005884	
523	2	2467202010034	CĐ.DUO.K24B	Tráng Thị Gió	Nữ	10/10/2005	HMông	Khoai 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	TN PTDNT	80	010305004946	
524	3	2467202010040	CĐ.DUO.K24B	Vàng Go Lan	Nữ	03/5/2005	Hà Nhì	Nậm Lọ B	Bum Tờ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305001689	
525	4	2467202010044	CĐ.DUO.K24B	Giàng Xuân Quang	Nam	12/5/2004	HMông	Cửa Cải	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDNT	80	010204010382	
526	5	2467202010053	CĐ.DUO.K24B	Vàng Quang Vinh	Nam	09/7/2006	Mông	Thào Chư Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206001526	
	Lớp Cao đẳng Dược K25: 4 Sinh viên														
527	1	2567202010003	CĐ.DUO.K25	La Thị Ánh	Nữ	20/3/2006	Tày	Tông Hốc	Dương Quý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306006247	
528	2	2567202010013	CĐ.DUO.K25	Lý Thị Huốt	Nữ	08/4/2007	Mông	Làng Vây 1	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012307003867	
529	3	2567202010016	CĐ.DUO.K25	Trần Thị Mai Loan	Nữ	15/4/2007	Nùng	Bản Mết	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307000299	
530	4	2567202010032	CĐ.DUO.K25	Vàng Thiên Tâm	Nam	25/6/2006	Mông	Hô Sáo Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206008156	
	Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K24: 5 Sinh viên														
531	1	2464802020003	CĐ.CNT.K24	Nguyễn Đình Chiến	Nam	02/01/2005	Kinh	Na Nổi	Bán Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	60	010205001095	
532	2	2464802020004	CĐ.CNT.K24	Cư Mạnh Chung	Nam	02/3/2006	Mông	Lò Suối Tùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009205	
533	3	2464802020010	CĐ.CNT.K24	Triệu Vinh Hùng	Nam	21/7/2006	Dao	Tả Thàng	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	Khuyết tật	100	010206003212	
534	4	2464802020016	CĐ.CNT.K24	Ma Văn Minh	Nam	17/02/2006	HMông	Sáng Lùng Chéng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206002679	
535	5	2464802020021	CĐ.CNT.K24	Thào Sà	Nam	16/01/2005	HMông	Pa Cheo Phìn A	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205003530	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
Lớp Cao đẳng Công nghệ thông tin K25: 6 Sinh viên															
536	1	2564802020024	CD.CNT.K25	Cử A Phừ	Nam	01/4/2002	Mông	Ma Sao Phìn Cao	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012202000343	
537	2	2564802020003	CD.CNT.K25	Giàng Seo Hanh	Nam	02/12/2007	HMông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207000541	
538	3	2564802020006	CD.CNT.K25	Sùng A Hồng	Nam	02/9/2007	HMông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012207007114	
539	4	2564802020007	CD.CNT.K25	Ma Chấn Hùng	Nam	25/7/2006	Mông	Mào Phìn	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009380	
540	5	2564802020018	CD.CNT.K25	Hoàng Đình Văn	Nam	08/8/2005	Tày	Làng Chút	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010205007448	
541	6	2564802020021	CD.CNT.K25	Long Văn Vũ	Nam	21/8/2007	Nùng	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207001686	
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K23: 5 Sinh viên															
542	1	2362202060001	CD.TAN.K23	Giàng Thị Bâu	Nữ	10/02/2005	Mông	Hầu Chư Ngải	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010205003444	
543	2	2362202060009	CD.TAN.K23	Cháo Tả Mây	Nữ	28/12/2005	Dao	Nậm Cùm	Mường Bo	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010205002867	
544	3	2362202060010	CD.TAN.K23	Phản San Mây	Nữ	19/12/2005	Dao	Tả Chải Dao	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010205001650	
545	4	2362202060015	CD.TAN.K23	Mùa Thị Tấu	Nữ	20/10/2001	Mông	Trung Súa	Na Son	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011301006693	
546	5	2362202060016	CD.TAN.K23	Chấu Thị Hằng	Nữ	06/11/2005	Hmông	Bản già	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010305006502	
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K24: 8 Sinh viên															
547	1	2462202060003	CD.TAN.K24	Tòng Thị Duyên	Nữ	22/01/2004	Thái	Nà Cà	Bình Lư	Lai Châu	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	012304001175	
548	2	2462202060006	CD.TAN.K24	Phà Ta Gơ	Nữ	05/3/2006	Hà Nhì	Sín Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001536	
549	3	2462202060009	CD.TAN.K24	Hàng Thị Kê	Nữ	06/10/2006	Mông	Dền Sang	Đào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012306007302	
550	4	2462202060011	CD.TAN.K24	Tần Tả Mây	Nữ	07/8/2006	Dao	Sim San 2	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306001531	
551	5	2462202060012	CD.TAN.K24	Phu Ly Mé	Nữ	02/9/2006	Hà Nhì	Sín Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306005775	
552	6	2462202060015	CD.TAN.K24	Phú Mờ Phia	Nữ	01/7/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306008057	
553	7	2462202060016	CD.TAN.K24	Sào Sá So	Nữ	05/10/2006	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306008426	
554	8	2462202060017	CD.TAN.K24	Giàng Thị Sông	Nữ	30/12/2005	Mông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305004816	
Lớp Cao đẳng Tiếng Anh K25: 3 Sinh viên															
555	1	2562202060013	CD.TAN.K25	Lò Tả Mây	Nữ	08/8/2002	Dao	Vù Lùng sung	Tả Phìn	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010302000731	
556	2	2562202060010	CD.TAN.K25	Tráng A Sùng	Nam	10/6/2003	Mông	6 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	010203008388	
557	3	2562202060012	CD.TAN.K25	Tần Thị Xuân	Nữ	14/4/2001	Dao	San Bang	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010301000434	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K23C: 8 Sinh viên															
558	1	2362202090089	CD.TTQ.K23C	Kháng Thị Câu	Nữ	01/01/2005	Mông	Huổi Toóng 1	Mường Tùng	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011305000392	
559	2	2362202090090	CD.TTQ.K23C	Chấu Thị Đan Chi	Nữ	29/3/2005	Nùng	Na Đầy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010305001170	
560	3	2362202090091	CD.TTQ.K23C	Sùng Mạnh Cường	Nam	01/12/2005	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205008210	
561	4	2362202090104	CD.TTQ.K23C	Cư Seo Hồng	Nam	04/11/2005	HMông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205003844	
562	5	2362202090106	CD.TTQ.K23C	Sùng A Ký	Nam	29/11/2005	HMông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205005283	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
563	6	2362202090111	CĐ.TTQ.K23C	Lương Văn Mạnh	Nam	25/7/2000	Xa Phó	Ta Khuẩn	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	010200004394	
564	7	2362202090112	CĐ.TTQ.K23C	Cư Seo Minh	Nam	09/10/2005	Hmông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010205005037	
565	8	2362202090121	CĐ.TTQ.K23C	Vương Thế Tài	Nam	20/11/2004	Giáy	La Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010204001320	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24A: 11 Sinh viên															
566	1	2462202090008	CĐ.TTQ.K24A	Lù Thị Dung	Nữ	24/8/2006	Nùng	Na Hối Nùng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010306000976	
567	2	2462202090009	CĐ.TTQ.K24A	Hoàng Thị Diễm	Nữ	02/10/2004	Dao	Rừng Ôi Khèo Thầu	Tả Lềng	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012304001173	
568	3	2462202090010	CĐ.TTQ.K24A	Lò Thị Hậu Giang	Nữ	06/9/2004	Thái	Bản Chiềng Nưa	Lê Lợi	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012304000083	
569	4	2462202090013	CĐ.TTQ.K24A	Nguyễn Thị Hoài Lan	Nữ	20/6/2006	Tày	Hạnh Phúc	Tân Hợp	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	015306001894	
570	5	2462202090014	CĐ.TTQ.K24A	Vàng Mỹ Linh	Nữ	06/11/2006	Dao	Dền Sáng	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306003206	
571	6	2462202090018	CĐ.TTQ.K24A	Phản Thị Anh Thư	Nữ	06/4/2006	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306004468	
572	7	2462202090020	CĐ.TTQ.K24A	Giàng A Tiến	Nam	13/7/2006	Mông	Sản Chúng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001514	
573	8	2462202090021	CĐ.TTQ.K24A	Đèo Minh Tiệp	Nam	04/11/2006	Thái	Hợp Nhất	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012206001868	
574	9	2462202090023	CĐ.TTQ.K24A	Sần Tài Tô	Nữ	16/12/2006	Hoa	Thèn Pả	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	011306004285	
575	10	2462202090034	CĐ.TTQ.K24A	Lý Thị Ánh Tuyết	Nữ	11/4/2006	Giáy	Làng Giàng	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010306007395	
576	11	2462202090037	CĐ.TTQ.K24A	Lý Thu Yên	Nữ	25/3/2006	Dao	San Lùng	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001166	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24B: 6 Sinh viên															
577	1	2462202090041	CĐ.TTQ.K24B	Đặng Thị Duyên	Nữ	27/01/2006	Dao	Thôn 7 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001654	
578	2	2462202090047	CĐ.TTQ.K24B	Tòng Thị Huyền	Nữ	12/10/2006	Thái	Mai Hồng 3	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKk	TN PTDTNT	80	010306001634	
579	3	2462202090051	CĐ.TTQ.K24B	Lương Đình Lộc	Nam	19/8/2004	Tày	Chiềng 3	Võ lao	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010204006150	
580	4	2462202090061	CĐ.TTQ.K24B	Lò Thị Như	Nữ	30/11/2005	Thái	Co Phày	Than Uyên	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	012305004374	
581	5	2462202090067	CĐ.TTQ.K24B	Má Thị Su	Nữ	08/9/2002	Hmông	Cát Cát	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010302000434	
582	6	2462202090074	CĐ.TTQ.K24B	Lò Thị Thịnh	Nữ	12/01/2003	Thái	Tân Lập	Nậm Cuối	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012303000913	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24C: 12 Sinh viên															
583	1	2462202090079	CĐ.TTQ.K24C	Phún Linh Chi	Nữ	26/5/2006	Giáy	Chính Quân	Lục Yên	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	015306006498	
584	2	2462202090081	CĐ.TTQ.K24C	Lù A Dìn	Nam	30/9/2006	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206009381	
585	3	2462202090085	CĐ.TTQ.K24C	Vi Hoàng Dũng	Nam	28/02/2004	Tày	Hèo-Trang	Hợp Thành	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010204008048	
586	4	2462202090087	CĐ.TTQ.K24C	Hoàng Xa Định	Nữ	02/9/2006	Dao	Mồ Xi Cầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012306005931	
587	5	2462202090090	CĐ.TTQ.K24C	Hoàng Văn Giang	Nam	10/7/2006	Tày	Ngầu 3	Võ Lao	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206004777	
588	6	2462202090093	CĐ.TTQ.K24C	Lý Thị Hằng	Nữ	12/9/2005	Dao	Thèn Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012305006727	
589	7	2462202090094	CĐ.TTQ.K24C	Lù Thị Hạnh	Nữ	10/8/2003	Thái	Nà Hoi	Tân Uyên	Lai Châu	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	012303000785	
590	8	2462202090096	CĐ.TTQ.K24C	Giàng Thị Thu Hiền	Nữ	17/10/2006	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306000739	
591	9	2462202090097	CĐ.TTQ.K24C	Vương Thị Hiệp	Nữ	21/5/2005	Giáy	Na Nổi	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBKk	Hộ cận nghèo	100	010305001112	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
592	10	2462202090101	CĐ.TTQ.K24C	Lý Xa Hồng	Nữ	24/01/2006	Dao	Thền Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDNT	80	012306003316	
593	11	2462202090103	CĐ.TTQ.K24C	Sùng Mạnh Hùng	Nam	15/02/2006	Mông	Phổ Cũ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206004372	
594	12	2462202090109	CĐ.TTQ.K24C	Lý Xa Môi	Nữ	09/3/2006	Dao	Thền Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDNT	80	012306007468	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24D: 14 Sinh viên															
595	1	2462202090117	CĐ.TTQ.K24D	Giàng A Chung	Nam	29/11/2006	Mông	Sáng Lũng Chín	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206002950	
596	2	2462202090118	CĐ.TTQ.K24D	Vừ A Chung	Nam	03/5/2005	Mông	Dền Thàng 1	Dền Sáng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205008162	
597	3	2462202090119	CĐ.TTQ.K24D	Ly Thị Công	Nữ	04/3/2005	Mông	Sẻ Chải	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010305000678	
598	4	2462202090121	CĐ.TTQ.K24D	Lò Thị Dĩnh	Nữ	03/6/2005	Hmông	Quán Dín Ngải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDNT	80	010305000673	
599	5	2462202090125	CĐ.TTQ.K24D	Vàng Thị Duyên	Nữ	22/01/2005	HMông	Bản Phố 2	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDNT	80	010305000677	
600	6	2462202090130	CĐ.TTQ.K24D	Vàng Thị Góng	Nữ	22/4/2006	HMông	San 2	Tả Van	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010306006424	
601	7	2462202090132	CĐ.TTQ.K24D	Giàng Chính Hoa	Nữ	07/02/2006	Phù Lá	Ngải Phóng Chồ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010306005197	
602	8	2462202090137	CĐ.TTQ.K24D	Phản Thị Lan	Nữ	28/02/2006	Dao	Xin Chải	Tả Lềng	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012306001430	
603	9	2462202090138	CĐ.TTQ.K24D	Đèo Bảo Lan	Nữ	02/11/2005	Thái	Nà Củng	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305000471	
604	10	2462202090142	CĐ.TTQ.K24D	Tráng Thị Lùng	Nữ	08/5/2003	Nùng	Nậm Hu	Bao Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010303001532	
605	11	2462202090145	CĐ.TTQ.K24D	Gi A Mạnh	Nam	28/10/2005	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012205004191	
606	12	2462202090151	CĐ.TTQ.K24D	Lù Thị Súng	Nữ	18/02/2006	Mông	Cán Hồ	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDNT	80	010306005135	
607	13	2462202090153	CĐ.TTQ.K24D	Sùng Thị Xuân	Nữ	15/10/2005	Phù Lá	Ngò Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010305000676	
608	14	2462202090154	CĐ.TTQ.K24D	Tần Thị Yên	Nữ	03/8/2006	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010306008281	
Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24E: 17 Sinh viên															
609	1	2462202090162	CĐ.TTQ.K24E	Nguyễn Thị Linh Chi	Nữ	21/10/2004	Tày	Giàng	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDNT	80	010304005081	
610	2	2462202090163	CĐ.TTQ.K24E	Hầu Thị Chi	Nữ	03/5/2006	Mông	Sín Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001405	
611	3	2462202090166	CĐ.TTQ.K24E	Cư Seo Dế	Nam	13/6/2005	HMông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010205005130	
612	4	2462202090170	CĐ.TTQ.K24E	Giàng Thị Dừa	Nữ	30/4/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001404	
613	5	2462202090173	CĐ.TTQ.K24E	Vàng Thị Giáp	Nữ	04/02/2005	Tày	Nậm Lúc Hạ	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010305007536	
614	6	2462202090174	CĐ.TTQ.K24E	Nông Thị Huyền	Nữ	09/6/2005	Giáy	Nà Dầu	Tát Ngà	Tuyên Quang	xã khu vực III	TN PTDNT	80	002305004022	
615	7	2462202090175	CĐ.TTQ.K24E	Lý Thị Lành	Nữ	26/9/2006	Giáy	Nậm Xe	Sin Suối Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012306001909	
616	8	2462202090176	CĐ.TTQ.K24E	Giàng Thị Linh	Nữ	21/4/2005	Mông	Nà Chí Phàng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010305008595	
617	9	2462202090184	CĐ.TTQ.K24E	Lò Thị Quỳnh Như	Nữ	16/9/2006	Giáy	Bản Giang	Tân Phong	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDNT	80	012306001356	
618	10	2462202090186	CĐ.TTQ.K24E	Bùi Thị Quỳnh Như	Nữ	10/10/2006	Kinh	Đậm Rụng	Phúc Khánh	Lai Châu	xã khu vực III	Khuyết tật	80	010306006935	
619	11	2462202090187	CĐ.TTQ.K24E	Lý Thị Nhung	Nữ	20/02/2004	Dao	Thền Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDNT	80	012304001650	
620	12	2462202090189	CĐ.TTQ.K24E	Lềng Thị Oanh	Nữ	07/8/2006	Nùng	Đội 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001272	
621	13	2462202090192	CĐ.TTQ.K24E	Vàng Thị The	Nữ	13/02/2006	Hmông	Suối Thầu 3	A Mú Sung	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDNT	80	010306001617	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
622	14	2462202090193	CD.TTQ.K24E	Vàng Thị Trà	Nữ	02/02/2005	Hmông	Sử Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010305000948	
623	15	2462202090194	CD.TTQ.K24E	Hoàng Thị Trà Vinh	Nữ	29/6/2006	Tày	Thôn Phát	Châu Quế	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	015306008534	
624	16	2462202090195	CD.TTQ.K24E	Ma Công Vinh	Nam	08/5/2006	Mông	Bản Kha	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001758	
625	17	2462202090196	CD.TTQ.K24E	Thào Seo Vư	Nam	02/12/2006	Hmông	Phéc Búng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010206008896	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K24G: 11 Sinh viên														
626	1	2462202090201	CD.TTQ.K24G	Chớ A Dương	Nam	23/9/2005	Mông	Bản 36	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011205002535	
627	2	2462202090205	CD.TTQ.K24G	Lục Thị Thu Hương	Nữ	01/3/2006	Tày	Tân Tiến	Bảo Ái	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận Nghèo	100	015306001304	
628	3	2462202090213	CD.TTQ.K24G	Lù Văn Răng	Nam	25/01/2003	Hmông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Khuyết tật	100	010203010442	
629	4	2462202090214	CD.TTQ.K24G	Tạ Thị Hương Sâm	Nữ	04/7/2006	Dao	Đồng Do	Thác Bà	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	015306007342	
630	5	2462202090215	CD.TTQ.K24G	Chu Thị Sang	Nữ	08/12/2005	Mông	Ma Sao Phìn Thấp	Khun Há	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012305000367	
631	6	2462202090216	CD.TTQ.K24G	Lý Thị Say	Nữ	25/6/2006	Mông	Cô Tông Bản Vàng	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010306001246	
632	7	2462202090220	CD.TTQ.K24G	Cư Seo Sử	Nam	14/01/2006	Hmông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010206009741	
633	8	2462202090221	CD.TTQ.K24G	Lý Thị Tâm	Nữ	12/10/2006	Dao	Thèn Thầu	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	012306004614	
634	9	2462202090227	CD.TTQ.K24G	Vàng Xuân Thắng	Nam	24/5/2005	Hmông	Phéc Búng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận Nghèo	100	010205001426	
635	10	2462202090229	CD.TTQ.K24G	Sùng A Thành	Nam	29/4/2005	Mông	Hợp 1	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	012205004360	
636	11	2462202090231	CD.TTQ.K24G	Ly Thị Thảo	Nữ	05/02/2001	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010301006741	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25.CLC: 19 Sinh viên														
637	1	2562202090003	CD.TTQ.K25.CLC	Ly A Bảy	Nam	12/02/2006	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	002206008139	
638	2	2562202090002	CD.TTQ.K25.CLC	Lù Seo Banh	Nam	20/10/2007	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	002207003642	
639	3	2562202090004	CD.TTQ.K25.CLC	Lù Thị Bình	Nữ	26/7/2006	Thái	Nà Khương	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012306001731	
640	4	2562202090005	CD.TTQ.K25.CLC	Hoàng Thị Cháo	Nữ	09/7/2007	HMông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006693	
641	5	2562202090011	CD.TTQ.K25.CLC	Pờ Xuy Gụ	Nữ	20/5/2007	Hà Nhì	Khu Chu Lìn	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006820	
642	6	2562202090012	CD.TTQ.K25.CLC	Ly Thị Hà	Nữ	26/11/2006	Mông	Sử Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306001361	
643	7	2562202090015	CD.TTQ.K25.CLC	Lò Thị Hoạt	Nữ	28/9/2007	Thái	Là 2	Mường Kim	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012307002341	
644	8	2562202090017	CD.TTQ.K25.CLC	Đoàn Thị Huấn	Nữ	28/4/2006	Dao	Trà Châu	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010306006167	
645	9	2562202090018	CD.TTQ.K25.CLC	Hoàng Thị Hương	Nữ	17/8/2005	Tày	Noong Khuẩn	Khánh Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010305004910	
646	10	2562202090019	CD.TTQ.K25.CLC	Sùng A Khu	Nam	08/8/2007	Mông	Trạm Púng	Quảng Lâm	Điện Biên	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	011207002616	
647	11	2562202090020	CD.TTQ.K25.CLC	Hàng Seo Lênh	Nam	09/3/2007	HMông	Chồ Chải	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010207000431	
648	12	2562202090023	CD.TTQ.K25.CLC	Ly Thị Luân	Nữ	26/3/2007	Mông	Nhân Giống	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006098	
649	13	2562202090024	CD.TTQ.K25.CLC	Cheo Xuân Mẩy	Nữ	18/3/2005	Dao	Bành Phán	Sìn Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012305000041	
650	14	2562202090029	CD.TTQ.K25.CLC	Vàng Lâm Nhi	Nữ	27/10/2007	Thái	Chăm Cáy	Than Uyên	Lai Châu	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	012307006215	
651	15	2562202090030	CD.TTQ.K25.CLC	Cao Gơ Pơ	Nữ	14/7/2007	Hà Nhì	Kin Chu Phìn 1	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307008199	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
652	16	2562202090032	CD.TTQ.K25.CLC	Vũ Thị Sinh	Nữ	03/02/2006	HMông	Làng Cung 3	Xuân Quang	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010306008243	
653	17	2562202090033	CD.TTQ.K25.CLC	Lò Thị Thắm	Nữ	16/02/2007	Thái	Hợp Nhất	Bản Bo	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012307000368	
654	18	2562202090034	CD.TTQ.K25.CLC	Lềng Thị Thủy	Nữ	28/9/2007	Nùng	Thôn Sín Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006936	
655	19	2562202090035	CD.TTQ.K25.CLC	Chăn Seo Tỏa	Nam	07/11/2006	Mông	La Chí Chải	Pà Vây Sủ	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	002206003027	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25A: 14 Sinh viên														
656	1	2562202090040	CD.TTQ.K25A	Lù Khai Chung	Nam	20/4/2007	Mông	Hoàng Phi Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207008509	
657	2	2562202090041	CD.TTQ.K25A	Sần Chăn Cồ	Nam	14/12/2007	Xạ Phạng	Thên Pả	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011207009825	
658	3	2562202090044	CD.TTQ.K25A	Giàng Thu Hà	Nữ	17/5/2007	H'Mông	Háng Dê	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010307009470	
659	4	2562202090047	CD.TTQ.K25A	Trương Thị Hiền	Nữ	25/01/2006	Dao	Nậm Nhù	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306008553	
660	5	2562202090050	CD.TTQ.K25A	Phạm Thị Lệ	Nữ	26/5/2007	Kinh	Bản Giàng	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	60	010307003052	
661	6	2562202090056	CD.TTQ.K25A	Hoàng Thị Sú	Nữ	15/4/2007	H'Mông	Nàng Càng	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006599	
662	7	2562202090058	CD.TTQ.K25A	Tráng A Thành	Nam	01/9/2006	HMông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206002977	
663	8	2562202090059	CD.TTQ.K25A	Giàng Thị Thu Thảo	Nữ	14/8/2007	Mông	Sín Chải 1	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012307000653	
664	9	2562202090061	CD.TTQ.K25A	Lò Thị Thúy	Nữ	14/7/2006	Thái	Đoàn Kết	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012306005596	
665	10	2562202090062	CD.TTQ.K25A	Đặng Thị Thúy	Nữ	29/3/2006	Dao	Làng Chung	Lào Cai	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010306007157	
666	11	2562202090065	CD.TTQ.K25A	Thàng Mỹ Uyên	Nữ	16/11/2007	Nùng	Cổ Hải	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010307006762	
667	12	2562202090066	CD.TTQ.K25A	Hoàng Thị Vần	Nữ	06/01/2004	Thái	Bút Dưới	Tân Uyên	Lai Châu	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	012304000169	
668	13	2562202090068	CD.TTQ.K25A	Giàng A Xà	Nam	08/9/2007	H'Mông	Thên Pả	Tả Lèng	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012207005566	
669	14	2562202090070	CD.TTQ.K25A	Cư Thị Xuân	Nữ	02/12/2007	HMông	Phổ Thầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307002459	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25B: 21 Sinh viên														
670	1	2562202090074	CD.TTQ.K25B	Sần Thiễn Chăn	Nam	01/3/2007	Hoa	Thên Pả	Na Sang	Điện Biên	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	011207004136	
671	2	2562202090075	CD.TTQ.K25B	Sùng Seo Chung	Nam	03/10/2007	Mông	Lao Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010207007627	
672	3	2562202090077	CD.TTQ.K25B	Vàng Thị De	Nữ	12/5/2007	Mông	Na Đơng	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307006009	
673	4	2562202090078	CD.TTQ.K25B	Giàng Thị Dẻ	Nữ	01/01/2007	Mông	Lả Dì Thàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	0103007004992	
674	5	2562202090079	CD.TTQ.K25B	Hoàng Ngọc Diễm	Nữ	15/9/2007	Tày	Thác Cạn	Bình Lư	Lai Châu	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	012307006663	
675	6	2562202090080	CD.TTQ.K25B	Lò Thị Dín	Nữ	07/3/2007	HMông	Chu Lìn Phố	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307004405	
676	7	2562202090081	CD.TTQ.K25B	Điêu Thị Mỹ Duyên	Nữ	20/11/2004	Thái	Chiềng Nưa	Lê Lợi	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012304003688	
677	8	2562202090083	CD.TTQ.K25B	Giàng Thị Hà	Nữ	06/8/2007	HMông	Phú Long 1	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010307004019	
678	9	2562202090084	CD.TTQ.K25B	Lý Văn Hải	Nam	26/10/2006	Dao	Lý 1-2	Bảo Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010206005052	
679	10	2562202090086	CD.TTQ.K25B	Chèo Nải Heng	Nam	27/02/2006	Dao	Sùng Phài	Đoàn Kết	Lai Châu	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	012206007954	
680	11	2562202090087	CD.TTQ.K25B	Giàng A Hồng	Nam	03/02/2006	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012206004472	
681	12	2562202090088	CD.TTQ.K25B	Lý Thị Hồng	Nữ	28/02/2005	Dao	Bản Qua	Xuân Hòa	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305004413	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
682	13	2562202090089	CĐ.TTQ.K25B	Dì A Hùng	Nam	01/12/2005	Mông	Bản Hợp 2	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012205002943	
683	14	2562202090090	CĐ.TTQ.K25B	Lò Quỳnh Hương	Nữ	01/02/2004	Thái	Vàng Bâu	Phong Thổ	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012304004740	
684	15	2562202090095	CĐ.TTQ.K25B	Lò Đức Mạnh	Nam	13/3/2003	Thái	Khăn Nọi	Nậm Sỏ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012203000386	
685	16	2562202090096	CĐ.TTQ.K25B	Vàng Lở Mây	Nữ	10/01/2007	Dao	Khoa San Chải	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307002647	
686	17	2562202090102	CĐ.TTQ.K25B	Vàng Thị Phanh	Nữ	26/8/2007	Mông	Căng Ký	Dào San	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012307007518	
687	18	2562202090104	CĐ.TTQ.K25B	Lý Văn Phúc	Nam	14/5/2004	Dao	Nậm Kha 1	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010204000938	
688	19	2562202090109	CĐ.TTQ.K25B	Đặng Thùy Trang	Nữ	23/4/2005	Dao	Khe Giềng	Đồng Cuông	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	015305006442	
689	20	2562202090110	CĐ.TTQ.K25B	Lò Thị Việt Trinh	Nữ	25/8/2004	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012304003674	
690	21	2562202090111	CĐ.TTQ.K25B	Đặng Thị Vân	Nữ	25/01/2007	Dao	4 Vải Siêu	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010307003020	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25C: 11 Sinh viên														
691	1	2562202090114	CĐ.TTQ.K25C	Ma Seo Chùa	Nam	27/7/2004	H'Mông	Pả Chư Tỳ	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010204000947	
692	2	2562202090115	CĐ.TTQ.K25C	Hằng Diu Chung	Nam	02/10/2007	Hmông	Ma Ngán B	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207008385	
693	3	2562202090117	CĐ.TTQ.K25C	Vàng Thị Dúng	Nữ	15/9/2007	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307003923	
694	4	2562202090120	CĐ.TTQ.K25C	Lý Gì Gơ	Nữ	02/8/2005	Hà Nhì	Lao Chải	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305009245	
695	5	2562202090130	CĐ.TTQ.K25C	Thào Thị Kiều	Nữ	10/11/2004	Thái	Phai Cát	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	012304006739	
696	6	2562202090134	CĐ.TTQ.K25C	Lý Lở Mây	Nữ	05/6/2007	Dao	Cán Tỷ	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307009474	
697	7	2562202090135	CĐ.TTQ.K25C	Phùng Tả Mây	Nữ	14/3/2007	Dao	Ky Quan San	Mường Hum	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307000283	
698	8	2562202090136	CĐ.TTQ.K25C	Lý Thị Mùi	Nữ	10/4/2007	Dao	Quyết Tiến	Pắc Ta	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012307000008	
699	9	2562202090145	CĐ.TTQ.K25C	Vàng Thị Sinh	Nữ	23/02/2007	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307000315	
700	10	2562202090148	CĐ.TTQ.K25C	Giàng Thị Thu	Nữ	03/11/2007	Mông	Sừ Ma Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006177	
701	11	2562202090150	CĐ.TTQ.K25C	Lộc Thị Kim Yên	Nữ	23/01/2006	Tày	3 Là	Bảo Yên	Lào Cai	Thôn ĐBKK	TN PTDTNT	80	010306006386	
	Lớp Cao đẳng Tiếng Trung Quốc K25D: 9 Sinh viên														
702	1	2562202090155	CĐ.TTQ.K25D	Chấu Thị Duyên	Nữ	08/11/2007	H'Mông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010307004255	
703	2	2562202090157	CĐ.TTQ.K25D	Nguyễn Thu Hương	Nữ	17/10/2006	Tày	Muồng	Gia Phú	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	010306015593	
704	3	2562202090160	CĐ.TTQ.K25D	Ma Seo Lim	Nam	16/7/2006	H'Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206005636	
705	4	2562202090161	CĐ.TTQ.K25D	Giàng Thị Mò	Nữ	20/6/2005	Mông	Phìn Hồ	Y Tý	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305007633	
706	5	2562202090164	CĐ.TTQ.K25D	Vàng Thị Nứ	Nữ	16/5/2007	Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307005597	
707	6	2562202090166	CĐ.TTQ.K25D	Chào Thị Pháy	Nữ	14/7/2007	Dao	Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012307004631	
708	7	2562202090172	CĐ.TTQ.K25D	Giàng Mạnh Quyền	Nam	25/02/2007	H'Mông	Cốc Phả	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207005168	
709	8	2562202090180	CĐ.TTQ.K25D	Chào Mai Trang	Nữ	13/7/2007	Dao	San Lùng	Bát Xát	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010307003665	
710	9	2562202090182	CĐ.TTQ.K25D	Triệu Thị Viện	Nữ	21/3/2007	Dao	Nậm Đét	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307004275	
	Lớp Cao đẳng Kế toán K24: 4 Sinh viên														

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
711	1	2463403010002	CD.KTO.K24	Tần Thị Ngọc Anh	Nữ	15/01/2004	Dao	Bản Pho	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	TN PTDTNT	80	101304004107	
712	2	2463403010005	CD.KTO.K24	Đặng Hồng Hà	Nữ	21/12/2006	Dao	Thác Tiên	Mỏ Vàng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	015306003952	
713	3	2463403010014	CD.KTO.K24	Dương Thị Linh	Nữ	30/5/2005	Tày	Bản Khao	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010305007020	
714	4	2463403010022	CD.KTO.K24	Lý Thị Nguyệt	Nữ	25/6/2006	Xa Phó	Đồng Vệ	Chiềng Ken	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận Nghèo	100	010306007793	
Lớp Cao đẳng Kế toán K25.TTQ: 3 Sinh viên															
715	1	2563403010031	CD.KTO.K25.TTQ	Trần Thị Mai Châm	Nữ	09/3/2007	Kinh	Tân Long	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	015307007596	
716	2	2563403010060	CD.KTO.K25.TTQ	Lù Bốn Nghĩa	Nam	18/10/2007	Nùng	Nậm Lân Cốc Cài	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010207003555	
717	3	2563403010041	CD.KTO.K25.TTQ	Ma Thị Liên	Nữ	02/01/2007	HMông	Khu Chu Tùng	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010307002849	
Lớp Cao đẳng Kế toán K25A: 4 Sinh viên															
718	1	2563403010009	CD.KTO.K25A	Lý Mai Phượng	Nữ	16/6/2006	Dao	Tùng Chín 2	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010306003156	
719	2	2563403010011	CD.KTO.K25A	Vàng Thị Thảo	Nữ	10/8/2003	Thái	Huổi Phặc	Khổng Lào	Lai Châu	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	012303004331	
720	3	2563403010014	CD.KTO.K25A	Lường Thu Trang	Nữ	13/9/2006	Tày	Trung Nam	Hưng Khánh	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	015306004456	
721	4	2563403010018	CD.KTO.K25A	Lương Thị Tươi	Nữ	23/4/2001	Tày	Tả Hà 1	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010301004700	
Lớp Cao đẳng Kỹ thuật xây dựng K25: 3 Sinh viên															
722	1	2565802010001	CD.KXD.K25	Lương Thị Đóa	Nữ	25/8/2007	Tày	Nhuần 2	Tằng Loỏng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010307000707	
723	2	2565802010006	CD.KXD.K25	Tráng Thín Lồng	Nam	06/12/2007	HMông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010207003646	
724	3	2565802010007	CD.KXD.K25	Nguyễn Văn Quân	Nam	21/02/2004	Kinh	Thôn 6	Bát Xát	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	60	012204008857	
Lớp Cao đẳng Thú y K24: 3 Sinh viên															
725	1	2466401010008	CD.THY.K24	Vũ Thị Hương	Nữ	15/5/2006	Mông	Nà Lặc	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	TN PTDTNT	80	010306003631	
726	2	2466401010012	CD.THY.K24	Di Thị Nhâm	Nữ	08/12/2000	Giáy	Múc	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	TN PTDTNT	80	010300005857	
727	3	2466401010016	CD.THY.K24	Vàng Văn Thế	Nam	21/3/2004	Giáy	Thịnh Ổi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010204001331	
Lớp Cao đẳng Thú y K25: 1 Sinh viên															
728	1	2566401010008	CD.THY.K25	Phản Tả Mây	Nữ	28/02/2007	Dao	Tùng Chín 3	Trịnh Tường	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006382	
Lớp Trung cấp Chăn nuôi thú y K24.8: 14 Học sinh															
729	1	2456201190002	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Bàu	Nữ	06/6/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309006568	
730	2	2456201190007	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Đế	Nam	20/4/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309004539	
731	3	2456201190015	TC.CNY.K24.8	Cư Seo Hùng	Nam	15/11/2009	Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005926	
732	4	2456201190016	TC.CNY.K24.8	Lùng Văn Huy	Nam	09/11/2009	Nùng	Nàn Vải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002739	
733	5	2456201190018	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Ly	Nữ	12/11/2009	Mông	Thào Chư Phìn	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309000361	
734	6	2456201190019	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Ly	Nữ	04/9/2009	Mông	Hoàng Thu Phố	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309007771	
735	7	2456201190021	TC.CNY.K24.8	Vừ Thị Mùa	Nữ	20/11/2009	HMông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309001642	
736	8	2456201190022	TC.CNY.K24.8	Giàng A Ngọc	Nam	22/12/2009	HMông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003782	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
737	9	2456201190026	TC.CNY.K24.8	Thào A Phúc	Nam	21/9/2009	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005608	
738	10	2456201190029	TC.CNY.K24.8	Ly Thị Ngọc Phương	Nữ	29/9/2009	Mông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004612	
739	11	2456201190032	TC.CNY.K24.8	Giàng Thiên Sơn	Nam	13/3/2009	Hmông	Gia Khâu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005199	
740	12	2456201190033	TC.CNY.K24.8	Vàng Thị Súa	Nữ	11/4/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004577	
741	13	2456201190040	TC.CNY.K24.8	Giàng Thị Xua	Nữ	19/9/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004587	
742	14	2456201190042	TC.CNY.K24.8	Giàng A Xuyên	Nam	10/11/2009	Mông	Cốc Phà	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209004620	
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.6: 17 Học sinh														
743	1	2455802120001	TC.ĐNU.K24.6	Ma Hồng Chiến	Nam	27/02/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209007087	
744	2	2455802120002	TC.ĐNU.K24.6	Sùng Chí Cường	Nam	12/10/2009	HMông	Lùng Chéng Lùng	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004296	
745	3	2455802120003	TC.ĐNU.K24.6	Vàng Xuân Cường	Nam	22/10/2009	Mông	Máo Chóa Sù	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001132	
746	4	2455802120004	TC.ĐNU.K24.6	Thào Dín	Nam	26/3/2009	Mông	Tín Thành	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309004947	
747	5	2455802120006	TC.ĐNU.K24.6	Thào Thị Giang	Nữ	14/01/2009	Pa Dí	Sa Pả	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209007119	
748	6	2455802120007	TC.ĐNU.K24.6	Tráng Seo Hằng	Nam	05/3/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006649	
749	7	2455802120008	TC.ĐNU.K24.6	Giàng Thị Hiền	Nữ	16/11/2009	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100		
750	8	2455802120009	TC.ĐNU.K24.6	Chấu Trung Hiếu	Nam	09/11/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003760	
751	9	2455802120011	TC.ĐNU.K24.6	Giàng Mạnh Hồng	Nam	22/11/2009	Mông	Gia Khâu B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209009665	
752	10	2455802120013	TC.ĐNU.K24.6	Lùng Chung Lanh	Nam	20/9/2009	Nùng	Ngam Lâm	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002426	
753	11	2455802120018	TC.ĐNU.K24.6	Pờ Tà Nguyệt	Nữ	09/9/2009	Pa Dí	Chúng Chải B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100		
754	12	2455802120019	TC.ĐNU.K24.6	Chấu A Phìn	Nam	02/02/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004476	
755	13	2455802120020	TC.ĐNU.K24.6	Giàng A Sài	Nam	24/11/2009	Mông	Sín Chải Nậm Cháy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002103	
756	14	2455802120022	TC.ĐNU.K24.6	Thào Văn Sơn	Nam	05/12/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006972	
757	15	2455802120023	TC.ĐNU.K24.6	Giàng Văn Thắng	Nam	29/12/2009	Mông	Gia Khâu B	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005297	
758	16	2455802120024	TC.ĐNU.K24.6	Giàng Thanh	Nam	01/01/2009	Mông	Sín Chải B	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001719	
759	17	2455802120028	TC.ĐNU.K24.6	Giàng Sào Tờ	Nam	11/5/2008	Mông	Sín Chải Nậm Cháy	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010208004247	
	Lớp Trung cấp Điện-Nước K24.8: 15 Học sinh														
760	1	2455802120034	TC.ĐNU.K24.8	Sùng Seo Cầu	Nam	13/8/2009	Hmông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006564	
761	2	2455802120039	TC.ĐNU.K24.8	Hoàng A Cừ	Nam	22/10/2009	HMông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209003347	
762	3	2455802120040	TC.ĐNU.K24.8	Tráng A Dìn	Nam	03/7/2009	Mông	Sín Chải 1	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001964	
763	4	2455802120041	TC.ĐNU.K24.8	Lừu Hải Dương	Nam	10/9/2009	Mông	Chu Liền Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209009233	
764	5	2455802120044	TC.ĐNU.K24.8	Sùng Seo Giả	Nam	18/01/2009	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008084	
765	6	2455802120045	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Minh Hà	Nam	02/9/2009	Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008422	
766	7	2455802120049	TC.ĐNU.K24.8	Lồ Lao Lùng	Nam	29/11/2009	Hmông	Ngải Phóng Chỏ	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001816	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
767	8	2455802120054	TC.ĐNU.K24.8	Vàng A Pao	Nam	05/11/2009	Hmông	Sín Hồ Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006257	
768	9	2455802120056	TC.ĐNU.K24.8	Thào Seo Phênh	Nam	25/01/2009	Mông	Seng Sui	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006747	
769	10	2455802120059	TC.ĐNU.K24.8	Vũ Đức Quân	Nam	10/11/2009	Tày	Ngà Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008255	
770	11	2455802120061	TC.ĐNU.K24.8	Sùng A Quý	Nam	14/11/2009	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003786	
771	12	2455802120062	TC.ĐNU.K24.8	Vũ Ngọc Quyết	Nam	02/4/2009	Nùng	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008111	
772	13	2455802120069	TC.ĐNU.K24.8	Lù Đức Trường	Nam	26/11/2009	Nùng	Na Pá	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002444	
773	14	2455802120071	TC.ĐNU.K24.8	Giàng Seo Viện	Nam	14/6/2009	Hmông	Hòa Bình	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008544	
774	15	2455802120074	TC.ĐNU.K24.8	Thào Quang Vinh	Nam	06/10/2009	Hmông	Gia Khâu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006151	
Lớp Trung cấp Điện-Nước K25.6: 19 Học sinh															
775	1	2555802120002	TC.ĐNU.K25.6	Lồ Khái Chổng	Nam	17/02/2010	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210003573	
776	2	2555802120003	TC.ĐNU.K25.6	Vàng Seo Chứ	Nam	04/7/2010	Mông	Sán Pản	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210001522	
777	3	2555802120005	TC.ĐNU.K25.6	Sin Văn Đô	Nam	13/11/2010	Nùng	Tả Thần	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005761	
778	4	2555802120006	TC.ĐNU.K25.6	Lồ Seo Đường	Nam	30/4/2010	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210009406	
779	5	2555802120007	TC.ĐNU.K25.6	Sùng Văn Hải	Nam	26/02/2010	Mông	Lồ Cổ Chín	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210010158	
780	6	2555802120008	TC.ĐNU.K25.6	Ly Văn Hải	Nam	03/6/2010	Mông	Phìn Chư	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210004542	
781	7	2555802120009	TC.ĐNU.K25.6	Ly Thín Hồng	Nam	28/5/2010	Mông	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005519	
782	8	2555802120010	TC.ĐNU.K25.6	Ly Văn Hồng	Nam	18/8/2010	H'mông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310002113	
783	9	2555802120013	TC.ĐNU.K25.6	Lùng Duyên Liêm	Nam	27/9/2010	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005312	
784	10	2555802120014	TC.ĐNU.K25.6	Thào Seo Long	Nam	12/01/2010	Mông	Vả Thàng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210010179	
785	11	2555802120015	TC.ĐNU.K25.6	Tần Văn Minh	Nam	01/02/2010	Mông	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005042	
786	12	2555802120018	TC.ĐNU.K25.6	Ly Seo Pao	Nam	10/8/2010	Mông	Lồ Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210000407	
787	13	2555802120019	TC.ĐNU.K25.6	Lù Viễn Phong	Nam	14/4/2010	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210008682	
788	14	2555802120020	TC.ĐNU.K25.6	Thào Quang Phủ	Nam	20/9/2010	Hmông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009575	
789	15	2555802120021	TC.ĐNU.K25.6	Giàng Seo Sềng	Nam	17/11/2010	Mông	Lao Ma Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210003927	
790	16	2555802120022	TC.ĐNU.K25.6	Tráng Mìn Sơn	Nam	22/5/2010	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210006887	
791	17	2555802120023	TC.ĐNU.K25.6	Sùng Xuân Sơn	Nam	26/3/2010	Mông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009137	
792	18	2555802120026	TC.ĐNU.K25.6	Giàng Chấn Thanh	Nam	03/01/2010	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210006193	
793	19	2555802120027	TC.ĐNU.K25.6	Vàng Seo Thần	Nam	05/12/2010	Mông	Sán Pản	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210009831	
Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.1: 3 Học sinh															
794	1	2453403020061	TC.KDN.K24.1	Lý Thu Hồng	Nữ	22/3/2008	Dao	Tân Lập	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010308008064	
795	2	2453403020063	TC.KDN.K24.1	Đoàn Thị Hương	Nữ	30/11/2009	Dao	Làng Chung	Bảo Thắng	Lào Cai	xã khu vực I	Hộ cận nghèo	100	010309005709	
796	3	2453403020066	TC.KDN.K24.1	Lý Minh Khái	Nam	01/01/2009	Tày	2 AB	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209005279	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
	Lớp Trung cấp Kế toán doanh nghiệp K24.6B: 17 Học sinh														
797	1	2453403020091	TC.KDN.K24.6B	Sùng Seo Dũng	Nam	25/12/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003302	
798	2	2453403020092	TC.KDN.K24.6B	Chấu Minh Huy	Nam	27/9/2009	Mông	Sín Chải B	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004965	
799	3	2453403020093	TC.KDN.K24.6B	Vàng Dung Lâm	Nam	15/9/2009	Nùng	Mào Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008144	
800	4	2453403020094	TC.KDN.K24.6B	Tải Chữ Luân	Nam	17/9/2009	Nùng	Pha Long 2	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009681	
801	5	2453403020101	TC.KDN.K24.6B	Sùng Văn Trung	Nam	17/10/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006067	
802	6	2453403020102	TC.KDN.K24.6B	Giàng Ngọc Trường	Nam	21/10/2009	Phù Lá	Lao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009001	
803	7	2453403020104	TC.KDN.K24.6B	Pờ Mìn Bảo	Nam	13/9/2009	Pa Dí	Tả Chư Phùng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209009390	
804	8	2453403020107	TC.KDN.K24.6B	Thào Seo Cường	Nam	28/6/2009	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006966	
805	9	2453403020108	TC.KDN.K24.6B	Hảng Hồ Dín	Nữ	01/5/2009	Mông	Nàn Tiều Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309002426	
806	10	2453403020109	TC.KDN.K24.6B	Sùng Văn Hòa	Nam	07/3/2009	Mông	Lò Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209001671	
807	11	2453403020110	TC.KDN.K24.6B	Lù Văn Mạnh	Nam	14/10/2009	Mông	Sín Chải A	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002683	
808	12	2453403020111	TC.KDN.K24.6B	Hoàng Chí Phong	Nam	28/11/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003520	
809	13	2453403020112	TC.KDN.K24.6B	Sùng A Quảng	Nam	22/11/2009	Mông	Sín Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209003995	
810	14	2453403020114	TC.KDN.K24.6B	Ly Seo Sàng	Nam	23/10/2008	Mông	Lò Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010208001596	
811	15	2453403020116	TC.KDN.K24.6B	Ma Trung Thắng	Nam	07/11/2009	Mông	Sín Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006866	
812	16	2453403020117	TC.KDN.K24.6B	Lò Thị Ngọc Thu	Nữ	24/11/2009	HMông	Chu Lìn Phồ	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309007867	
813	17	2453403020118	TC.KDN.K24.6B	Vàng Quang Trung	Nam	17/5/2009	Mông	Mao Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008792	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.4: 20 Học sinh														
814	1	2455802010124	TC.KXD.K24.4	Vàng Seo Vảng	Nam	29/3/2009	Mông	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005739	
815	2	2455802010126	TC.KXD.K24.4	Ly Văn Chiến	Nam	05/8/2008	Dao	Chiêu Cái	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010208007118	
816	3	2455802010128	TC.KXD.K24.4	Giàng Thị Cờ	Nữ	01/9/2009	Hmông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309002710	
817	4	2455802010129	TC.KXD.K24.4	Lý Văn Đại	Nam	23/9/2009	Hmông	Bản Phố 2	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ Nghèo	100	010209004663	
818	5	2455802010130	TC.KXD.K24.4	Ma Seo Đông	Nam	26/6/2009	Hmông	Nậm Cài	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006333	
819	6	2455802010132	TC.KXD.K24.4	Ly Hùng Hải	Nam	17/8/2009	Dao	Chiêu Cái	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ Nghèo	100	010209004026	
820	7	2455802010133	TC.KXD.K24.4	Vàng Thị Huyền	Nữ	28/01/2009	Tày	Đội 3	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309007163	
821	8	2455802010134	TC.KXD.K24.4	Thào Quốc Khánh	Nam	25/8/2009	Mông	Sín Chải Lũng Chí	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209032721	
822	9	2455802010138	TC.KXD.K24.4	Giàng A Nhè	Nam	28/01/2009	Mông	Khu Chu Tùng	Bản Liền	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005778	
823	10	2455802010140	TC.KXD.K24.4	Lò Seo Nô	Nam	13/9/2009	Mông	Ngài Ma Lũng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010208005210	
824	11	2455802010143	TC.KXD.K24.4	Giàng Seo Phong	Nam	05/12/2009	Mông	Sáng Lũng Chí	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209006733	
825	12	2455802010144	TC.KXD.K24.4	Giàng Seo Phong	Nam	10/8/2009	Mông	Sín Chải Cờ Cài	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209007762	
826	13	2455802010146	TC.KXD.K24.4	Giàng Seo Sà	Nam	01/01/2009	Mông	Hoàng Chu Ván	Tả Cù Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009938	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
827	14	2455802010147	TC.KXD.K24.4	Sùng Seo Sủ	Nam	15/5/2009	Mông	Làng Mới	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209000421	
828	15	2455802010148	TC.KXD.K24.4	Tráng Thị Thảo	Nữ	08/02/2008	Mông	Tần Chư	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010308001576	
829	16	2455802010151	TC.KXD.K24.4	Sùng Văn Thực	Nam	19/9/2008	Nùng	Na Ân	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010208002249	
830	17	2455802010154	TC.KXD.K24.4	Cư Seo Văn	Nam	15/3/2009	Mông	Hoàng Chu Văn	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209001224	
831	18	2455802010158	TC.KXD.K24.4	Vàng A Khánh	Nam	05/5/2009	Tày	Đội 2	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009226	
832	19	2455802010162	TC.KXD.K24.4	Hoàng Văn Thúc	Nam	08/01/2009	Cao Lan	Pắc Kẹ	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	008209006891	
833	20	2455802010164	TC.KXD.K24.4	Thào Thị Hồng Yến	Nữ	14/01/2009	Hmông	Lao Chải Phả Hai Tùng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309005470	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6A: 18 Học sinh														
834	1	2455802010041	TC.KXD.K24.6A	Hoàng Kỳ Anh	Nữ	10/9/2009	Nùng	Cốc Cáng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309000451	
835	2	2455802010045	TC.KXD.K24.6A	Ma Cồ Diu	Nam	04/12/2009	Mông	Cán Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002459	
836	3	2455802010048	TC.KXD.K24.6A	Tráng Quảng Dừng	Nam	05/8/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008454	
837	4	2455802010049	TC.KXD.K24.6A	Giàng Quảng Dừng	Nam	26/01/2009	HMông	Máo Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006996	
838	5	2455802010052	TC.KXD.K24.6A	Nghè Thủy Duyên	Nữ	16/10/2009	Nùng	Văng Leng	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309005553	
839	6	2455802010055	TC.KXD.K24.6A	Vàng Đức Hiệp	Nam	12/6/2009	Nùng	Phổ Cũ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007840	
840	7	2455802010057	TC.KXD.K24.6A	Phan Minh Học	Nam	07/8/2009	Dao	Tùng Lâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003265	
841	8	2455802010058	TC.KXD.K24.6A	Giàng Sào Hương	Nam	03/02/2009	Mông	Máo Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004923	
842	9	2455802010061	TC.KXD.K24.6A	Lù Thị Tuyết Khoa	Nữ	10/9/2009	Nùng	Nậm Rúp	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309001826	
843	10	2455802010062	TC.KXD.K24.6A	Lù Thị Khơi	Nữ	19/02/2009	Nùng	Máo Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309002807	
844	11	2455802010064	TC.KXD.K24.6A	Phu Văn Liêm	Nam	24/4/2009	Nùng	Tả Thên	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209001729	
845	12	2455802010066	TC.KXD.K24.6A	Hoàng Quang Minh	Nam	21/5/2009	Mông	Đồi Gianh	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010209006153	
846	13	2455802010068	TC.KXD.K24.6A	Tráng Thị Mỹ	Nữ	30/01/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309005187	
847	14	2455802010069	TC.KXD.K24.6A	Lùng Tiến Nhân	Nam	05/3/2009	Nùng	Nậm Oọc	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009531	
848	15	2455802010073	TC.KXD.K24.6A	Ma Seo Phong	Nam	26/7/2009	Mông	Sín Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002169	
849	16	2455802010074	TC.KXD.K24.6A	Giàng Seo Phử	Nam	05/11/2006	Mông	Bản Phố	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010206007698	
850	17	2455802010076	TC.KXD.K24.6A	Thên Sủ Quyết	Nam	02/12/2009	Nùng	Lũng Pâu	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008693	
851	18	2455802010077	TC.KXD.K24.6A	Ma Văn Quyết	Nam	26/9/2009	Nùng	Ngam Lâm	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010029008693	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.6B: 11 Học sinh														
852	1	2455802010081	TC.KXD.K24.6B	Ly Xuân Nhà	Nam	18/4/2009	Mông	Sử Ma Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209000198	
853	2	2455802010085	TC.KXD.K24.6B	Tráng Phùng Quyền	Nam	13/10/2009	Nùng	Cốc Mạc	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007126	
854	3	2455802010087	TC.KXD.K24.6B	Sì Dương Quỳnh	Nam	02/5/2009	Phù Lá	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209006959	
855	4	2455802010088	TC.KXD.K24.6B	Tráng Seo Sài	Nam	08/01/2009	Mông	Hoàng Phi Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005520	
856	5	2455802010091	TC.KXD.K24.6B	Cư Chấn Sùng	Nam	13/12/2009	Mông	Nàn Tiều Hồ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209001081	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
857	6	2455802010096	TC.KXD.K24.6B	Sùng Duyên Thành	Nam	24/7/2009	Mông	Sao Cô Sin	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209008810	
858	7	2455802010099	TC.KXD.K24.6B	Thào Thủy	Nam	23/02/2009	Mông	Na Lốc 3	Bản Lầu	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010209001391	
859	8	2455802010100	TC.KXD.K24.6B	Ly Văn Tiến	Nam	12/9/2009	HMông	Choán Ván	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209009106	
860	9	2455802010103	TC.KXD.K24.6B	Phản Thị Huyền Trang	Nữ	23/3/2009	Dao	Sàng Lùng Phìn	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309001320	
861	10	2455802010104	TC.KXD.K24.6B	Sùng A Tuấn	Nam	28/10/2008	Mông	Sừ Ma Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010208009245	
862	11	2455802010105	TC.KXD.K24.6B	Ly Thị Tươi	Nữ	28/6/2009	Nùng	Pạc Ngam	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309006607	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K24.8: 14 Học sinh														
863	1	2455802010005	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Dê	Nam	23/6/2009	Hmông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005655	
864	2	2455802010007	TC.KXD.K24.8	Lù Khái Dìn	Nam	14/3/2009	HMông	Sín Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004300	
865	3	2455802010008	TC.KXD.K24.8	Ly A Đức	Nam	11/02/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009646	
866	4	2455802010009	TC.KXD.K24.8	Cư Hà Giang	Nam	28/4/2009	Hmông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209002451	
867	5	2455802010012	TC.KXD.K24.8	Lùng Cồ Hướng	Nam	17/9/2009	Nùng	Đội 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001596	
868	6	2455802010016	TC.KXD.K24.8	Giàng Minh Ngọc	Nam	08/5/2008	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010208009168	
869	7	2455802010018	TC.KXD.K24.8	Vàng Seo Nhà	Nam	01/01/2009	Mông	Hoà Bình	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007596	
870	8	2455802010020	TC.KXD.K24.8	Ly Vàng Páo	Nam	03/7/2009	HMông	Sín Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209009744	
871	9	2455802010026	TC.KXD.K24.8	Thào Văn Phú	Nam	26/3/2009	Hmông	Lử Thần	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209003841	
872	10	2455802010028	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Quảng	Nam	24/4/2009	HMông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209003595	
873	11	2455802010031	TC.KXD.K24.8	Ly Công Sênh	Nam	25/3/2009	HMông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209004870	
874	12	2455802010034	TC.KXD.K24.8	Thào Seo Sơn	Nam	11/11/2009	Hmông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008343	
875	13	2455802010035	TC.KXD.K24.8	Lèng Văn Tăng	Nam	24/7/2009	Nùng	Nàn Vái	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007912	
876	14	2455802010040	TC.KXD.K24.8	Giàng Seo Tuấn	Nam	01/6/2009	Mông	Lao Chải 1	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209007098	
	Lớp Trung cấp Kỹ thuật xây dựng K25.4: 24 Học sinh														
877	1	2555802010001	TC.KXD.K25.4	Vàng Seo An	Nam	28/01/2010	Mông	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210008394	
878	2	2555802010003	TC.KXD.K25.4	Lò Seo Chá	Nam	10/12/2008	HMông	Ngài Ma Lùng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010208002266	
879	3	2555802010005	TC.KXD.K25.4	Thào A Chính	Nam	04/4/2010	Mông	Ma Sín Chải	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210007692	
880	4	2555802010009	TC.KXD.K25.4	Thào Seo Dìn	Nam	20/5/2010	HMông	Nậm Thố	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010210005168	
881	5	2555802010010	TC.KXD.K25.4	Vàng Seo Dơ	Nam	30/10/2010	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010210006320	
882	6	2555802010011	TC.KXD.K25.4	Bản Xuân Đồng	Nam	25/11/2010	Dao	Cốc Đào	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210006525	
883	7	2555802010012	TC.KXD.K25.4	Vàng Seo Dung	Nam	18/02/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010210007149	
884	8	2555802010013	TC.KXD.K25.4	Lý Văn Hà	Nam	06/5/2010	Dao	Nậm Tồn	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210003360	
885	9	2555802010014	TC.KXD.K25.4	Vàng Seo Hà	Nam	21/02/2010	HMông	Tả Thồ 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010210004666	
886	10	2555802010015	TC.KXD.K25.4	Giàng Văn Hải	Nam	07/5/2010	HMông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210002496	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
887	11	2555802010016	TC.KXD.K25.4	Thào Seo Khái	Nam	18/5/2010	Mông	Nhiều Lũng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210005842	
888	12	2555802010017	TC.KXD.K25.4	Sùng Quốc Khánh	Nam	26/6/2010	HMông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004780	
889	13	2555802010018	TC.KXD.K25.4	Sùng Seo Khánh	Nam	11/9/2010	Mông	Xà Phìn	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210002580	
890	14	2555802010019	TC.KXD.K25.4	Vàng A Lềng	Nam	02/12/2010	HMông	Làng Đa-Sín Chải	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210005352	
891	15	2555802010023	TC.KXD.K25.4	Lù Xa Mung	Nam	26/01/2009	HMông	Xà Phìn	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209006802	
892	16	2555802010024	TC.KXD.K25.4	Hảng Seo Phử	Nam	03/7/2010	Mông	Nậm Hán 2	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210003966	
893	17	2555802010026	TC.KXD.K25.4	Lý Seo Quỳnh	Nam	16/10/2010	H'Mông	Nậm Tông	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210000120	
894	18	2555802010027	TC.KXD.K25.4	Ly Seo Sênh	Nam	17/10/2010	HMông	Tả Thồ 1	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210002080	
895	19	2555802010028	TC.KXD.K25.4	Giàng Seo Sờ	Nam	10/10/2010	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210005898	
896	20	2555802010029	TC.KXD.K25.4	Giàng Seo Sơn	Nam	17/12/2010	HMông	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004112	
897	21	2555802010031	TC.KXD.K25.4	Vàng Seo Thắng	Nam	01/11/2010	Mông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010210009084	
898	22	2555802010034	TC.KXD.K25.4	Vàng A Tú	Nam	06/02/2010	Tày	Đội 2	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210001863	
899	23	2555802010035	TC.KXD.K25.4	Bản Thừa Vàng	Nam	22/02/2010	Dao	Bản Lấp	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004226	
900	24	2555802010036	TC.KXD.K25.4	Giàng Văn Vàng	Nam	02/11/2010	Mông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010210004451	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.4: 22 Học sinh														
901	1	2456201310046	TC.NCC.K24.4	Thào Thị Phương Lan	Nữ	04/7/2009	Mông	Sán Trá Thên Ván	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309006082	
902	2	2456201310047	TC.NCC.K24.4	Giàng Seo Nguyên	Nam	28/9/2009	Mông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209008218	
903	3	2456201310052	TC.NCC.K24.4	Lý Thị Tha	Nữ	15/4/2009	Mông	Nậm Tông	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309006587	
904	4	2456201310055	TC.NCC.K24.4	Vù Xuân Trường	Nam	01/7/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209002438	
905	5	2456201310057	TC.NCC.K24.4	Hầu Seo Áo	Nam	26/7/2009	HMông	Ngải Số	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ cận nghèo	100	010209001075	
906	6	2456201310058	TC.NCC.K24.4	Giàng Seo Chơ	Nam	20/8/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010209007730	
907	7	2456201310059	TC.NCC.K24.4	Lâm Thị Chuyển	Nữ	01/8/2009	Tày	Đội 2	Bản Liễn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309009128	
908	8	2456201310063	TC.NCC.K24.4	Lý Thị Dín	Nữ	20/10/2009	Mông	Sín Chải	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309009075	
909	9	2456201310065	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Dung	Nam	26/7/2009	HMông	Dì Thàng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010209007181	
910	10	2456201310068	TC.NCC.K24.4	Hoàng Văn Hiếu	Nam	28/02/2009	Dao	Cốc Lầu	Cốc Lầu	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209005559	
911	11	2456201310070	TC.NCC.K24.4	Giàng Sào Hội	Nữ	10/4/2009	Phù Lá	Tổng Thượng	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004797	
912	12	2456201310071	TC.NCC.K24.4	Sân Xuân Khánh	Nam	02/01/2009	Phù Lá	Lũng Phình	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001118	
913	13	2456201310072	TC.NCC.K24.4	Lý Thị Lan	Nữ	11/9/2009	Dao	Sáng Mào Phở	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309006751	
914	14	2456201310073	TC.NCC.K24.4	Thào Minh Lử	Nam	13/02/2009	Mông	Sín Chải Lũng Chín	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005147	
915	15	2456201310075	TC.NCC.K24.4	Cư Văn Nam	Nam	03/02/2009	Mông	Hoàng Trù Ván	Tả Củ Tỷ	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209005009	
916	16	2456201310076	TC.NCC.K24.4	Thào Thị Nga	Nữ	11/01/2009	Mông	Ngải Ma Lũng Trù	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010309001635	
917	17	2456201310077	TC.NCC.K24.4	Giàng Văn Phong	Nam	04/8/2009	HMông	Lềng Phảng Lũng Mương	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBKK	Hộ nghèo	100	010209008860	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
918	18	2456201310081	TC.NCC.K24.4	Sùng A Sơn	Nam	02/12/2009	Mông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209001101	
919	19	2456201310083	TC.NCC.K24.4	Vàng Seo Thành	Nam	07/9/2009	HMông	Ngải Sồ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010209005736	
920	20	2456201310085	TC.NCC.K24.4	Giàng Seo Truà	Nam	20/5/2009	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010209001123	
921	21	2456201310087	TC.NCC.K24.4	Vàng Anh Tuấn	Nam	24/9/2009	HMông	Cốc Cài Thượng	Bắc Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209004438	
922	22	2456201310091	TC.NCC.K24.4	Vũ Seo Chính	Nam	27/8/2008	HMông	Sân Bay	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010208009048	
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K24.8: 26 Học sinh														
923	1	2455802010030	TC.NCC.K24.8	Lừ Seo Sếnh	Nam	18/4/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209004869	
924	2	2456201310001	TC.NCC.K24.8	Ma Seo An	Nam	08/6/2009	HMông	Phìn Chư 3	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010029010129	
925	3	2456201310003	TC.NCC.K24.8	Hoàng Thị Cá	Nữ	06/01/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010030900950	
926	4	2456201310005	TC.NCC.K24.8	Ma Seo Cầu	Nam	23/11/2009	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309008148	
927	5	2456201310007	TC.NCC.K24.8	Hoàng Thị Chư	Nữ	29/6/2009	HMông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309008248	
928	6	2456201310010	TC.NCC.K24.8	Ly Thị Dí	Nữ	16/8/2009	Mông	Mù Tráng Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309003445	
929	7	2456201310011	TC.NCC.K24.8	Ngải Thị Diệu	Nữ	29/3/2009	HMông	Sín Chải 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309037233	
930	8	2456201310012	TC.NCC.K24.8	Giàng Thị Dờ	Nữ	29/8/2007	Mông	Dào Dàn Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010307007280	
931	9	2456201310013	TC.NCC.K24.8	Thào Thị Dua	Nữ	22/12/2008	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010303007814	
932	10	2456201310015	TC.NCC.K24.8	Sùng Thị Giáo	Nữ	12/8/2009	Mông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010809007793	
933	11	2456201310019	TC.NCC.K24.8	Giàng Văn Hồng	Nam	13/7/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010209003648	
934	12	2456201310021	TC.NCC.K24.8	Ly Seo Mìn	Nam	04/7/2009	Mông	Nà Chí Phàng	Lũng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209005925	
935	13	2456201310022	TC.NCC.K24.8	Vàng Seo Mùa	Nam	10/02/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209005784	
936	14	2456201310024	TC.NCC.K24.8	Lừ Thị Nga	Nữ	06/9/2009	HMông	Sừ Pà Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309004617	
937	15	2456201310025	TC.NCC.K24.8	Giàng Thị Ngân	Nữ	24/4/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309007638	
938	16	2456201310027	TC.NCC.K24.8	Giàng Chúng Páo	Nam	19/01/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209010063	
939	17	2456201310029	TC.NCC.K24.8	Lừ Thị Sìn	Nữ	12/9/2009	Mông	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309004197	
940	18	2456201310030	TC.NCC.K24.8	Giàng Thị Sinh	Nữ	26/02/2009	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309008983	
941	19	2456201310034	TC.NCC.K24.8	Lù Thị Tem	Nữ	25/02/2009	Nùng	Khoán Púng	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309007328	
942	20	2456201310035	TC.NCC.K24.8	Thên Thị Tét	Nữ	24/4/2009	Nùng	Sín Chải 2	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309008809	
943	21	2456201310037	TC.NCC.K24.8	Sùng Hạ Thiên	Nam	24/10/2009	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209007525	
944	22	2456201310038	TC.NCC.K24.8	Vàng Phi Thường	Nam	13/6/2009	Mông	Hô Sáo Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209002914	
945	23	2456201310039	TC.NCC.K24.8	Cư Thị Thủy	Nữ	07/12/2009	Mông	Dào Dàn Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010309005641	
946	24	2456201310041	TC.NCC.K24.8	Ma Văn Tuấn	Nam	28/02/2009	HMông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209003293	
947	25	2456201310042	TC.NCC.K24.8	Vàng Thị Xay	Nữ	03/10/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309007841	
948	26	2456201310043	TC.NCC.K24.8	Giàng Thị Xuân	Nữ	29/10/2009	Mông	Mản Thẩn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Cận nghèo	100	010209003293	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
	Lớp Trung cấp Nông nghiệp công nghệ cao K25.8: 29 Học sinh														
949	1	2556201310002	TC.NCC.K25.8	Hoàng Thị Cá	Nữ	01/7/2010	Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310008844	
950	2	2556201310003	TC.NCC.K25.8	Cư Thị Chí	Nữ	19/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310001630	
951	3	2556201310006	TC.NCC.K25.8	Ly Thị Cú	Nữ	16/5/2010	Mông	Giàng Chá Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310009469	
952	4	2556201310007	TC.NCC.K25.8	Giàng Seo Đạt	Nam	05/11/2010	H'Mông	Seo Khai Hóa	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210008223	
953	5	2556201310008	TC.NCC.K25.8	Vàng Thị Dở	Nữ	30/5/2010	Mông	Mản Thân	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310007127	
954	6	2556201310009	TC.NCC.K25.8	Ly Thị Doa	Nữ	16/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310001311	
955	7	2556201310011	TC.NCC.K25.8	Giàng Thị Dứa	Nữ	04/6/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310003818	
956	8	2556201310012	TC.NCC.K25.8	Ma Thị Dứa	Nữ	25/12/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310003893	
957	9	2556201310013	TC.NCC.K25.8	Hoàng Seo Dương	Nam	27/4/2010	H'Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210003839	
958	10	2556201310014	TC.NCC.K25.8	Giàng Thị Hoa	Nữ	23/12/2010	Hmông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310007786	
959	11	2556201310015	TC.NCC.K25.8	Hoàng Thị Hoa	Nữ	10/9/2010	Mông	Tả Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310006826	
960	12	2556201310017	TC.NCC.K25.8	Ly Seo Là	Nam	24/5/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010210006925	
961	13	2556201310018	TC.NCC.K25.8	Cư Phà Lềng	Nam	20/11/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210001993	
962	14	2556201310020	TC.NCC.K25.8	Ly Thị Lương	Nữ	25/12/2010	Hmông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310004647	
963	15	2556201310021	TC.NCC.K25.8	Hảng A Minh	Nam	11/02/2009	HMông	Mào Sao Chải	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209005379	
964	16	2556201310022	TC.NCC.K25.8	Sùng Văn Nam	Nam	17/8/2010	Hmông	Lử Thân	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210000133	
965	17	2556201310023	TC.NCC.K25.8	Sùng Thị Nhung	Nữ	16/11/2009	H'Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309004283	
966	18	2556201310024	TC.NCC.K25.8	Vàng Thị Núng	Nữ	31/8/2010	Mông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010310002284	
967	19	2556201310025	TC.NCC.K25.8	Giàng Thị Phấn	Nữ	23/10/2010	Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310005669	
968	20	2556201310026	TC.NCC.K25.8	Sùng Seo Quân	Nam	15/4/2010	Mông	Lử Thân	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004988	
969	21	2556201310027	TC.NCC.K25.8	Ma Seo Sỉ	Nam	14/02/2010	Mông	Seo Cán Hồ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004610	
970	22	2556201310028	TC.NCC.K25.8	Giàng Seo Sơn	Nam	19/8/2010	Hmông	Nàng Căng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004614	
971	23	2556201310029	TC.NCC.K25.8	Hảng Thị Tấu	Nữ	28/8/2010	Mông	Đào Dần Sán	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010310007523	
972	24	2556201310030	TC.NCC.K25.8	Vù Seo Thắng	Nam	09/4/2010	Hmông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210003685	
973	25	2556201310031	TC.NCC.K25.8	Lùng Quý Thiên	Nam	29/12/2010	Nùng	Đội 3	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210008763	
974	26	2556201310032	TC.NCC.K25.8	Giàng Thị Thu	Nữ	30/7/2010	Mông	Sảng Chải	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310004898	
975	27	2556201310033	TC.NCC.K25.8	Giàng A Thủy	Nam	05/7/2010	Mông	Ngã Ba	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210004581	
976	28	2556201310034	TC.NCC.K25.8	Sùng Thị Thủy	Nữ	15/11/2010	H'mông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010310001690	
977	29	2556201310038	TC.NCC.K25.8	Lồ Thị Xuân	Nữ	02/7/2010	H'mông	Nàn Sín	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310004120	
	Lớp Trung cấp Thú y K24.6: 13 Học sinh														
978	1	2456401010001	TC.THY.K24.6	Vàng Chí Bình	Nam	28/02/2009	Mông	Cùng Lũng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	102090081887	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
979	2	2456401010004	TC.THY.K24.6	Tráng Khải Chấn	Nam	06/5/2009	Mông	Lao Chải	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209001967	
980	3	2456401010005	TC.THY.K24.6	Ly Seo Châu	Nam	19/12/2009	Mông	Lò Suối Tùng	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209008720	
981	4	2456401010006	TC.THY.K24.6	Giàng Thị Chư	Nữ	17/11/2009	Mông	Mao Chóa Sủ	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010309005957	
982	5	2456401010008	TC.THY.K24.6	Thào Thị Dương	Nữ	04/12/2009	Mông	Bản Phố	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309008136	
983	6	2456401010011	TC.THY.K24.6	Sùng Thị Hoa	Nữ	19/11/2009	Mông	Tả Thên A	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	103090022344	
984	7	2456401010015	TC.THY.K24.6	Hoàng Duy Lực	Nam	10/11/2009	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002879	
985	8	2456401010016	TC.THY.K24.6	Thào Khải Lương	Nữ	15/9/2009	Mông	Pao Pao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	090209008309	
986	9	2456401010018	TC.THY.K24.6	Lý Duy Mạnh	Nam	24/6/2009	Giáy	Thịnh Ôi	Bản Lầu	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ cận nghèo	100	010209009536	
987	10	2456401010020	TC.THY.K24.6	Lù Sừn Ớn	Nam	25/10/2006	Nùng	Cốc Chứ	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010206001735	
988	11	2456401010021	TC.THY.K24.6	Tráng Thín Quang	Nam	05/11/2009	Mông	Sả Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209007928	
989	12	2456401010028	TC.THY.K24.6	Sùng Văn Trường	Nam	09/9/2009	Mông	Sín Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010209005838	
990	13	2456401010031	TC.THY.K24.6	Thào Thị Dung Xoa	Nữ	14/12/2009	Mông	Mào Sao Chải	Pha Long	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309001907	
Lớp Trung cấp Thú y K25.8: 16 Học sinh															
991	1	2556401010001	TC.THY.K25.8	Sùng Văn Chính	Nam	27/3/2010	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004797	
992	2	2556401010006	TC.THY.K25.8	Hầu Seo Dế	Nam	16/7/2010	HMông	Nà Chí Phàng	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004863	
993	3	2556401010007	TC.THY.K25.8	Cư Thị Chở	Nữ	05/11/2007	HMông	Nàng Càng	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010307006977	
994	4	2556401010010	TC.THY.K25.8	Hảng Minh Hứu	Nam	28/11/2010	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004735	
995	5	2556401010015	TC.THY.K25.8	Sùng Thị Pằng Mỹ	Nữ	03/8/2010	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010310007577	
996	6	2556401010016	TC.THY.K25.8	Thào Seo Phềnh	Nam	27/3/2010	HMông	Xả Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210009217	
997	7	2556401010019	TC.THY.K25.8	Giàng Thanh Phương	Nam	25/7/2010	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210007851	
998	8	2556401010020	TC.THY.K25.8	Giàng Văn Quý	Nam	28/3/2010	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210009127	
999	9	2556401010023	TC.THY.K25.8	Thào A Sềng	Nam	19/7/2010	Mông	Mù Tráng Phìn	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210004606	
1000	10	2556401010025	TC.THY.K25.8	Sùng Thị Hà Thanh	Nữ	07/11/2010	Mông	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010310008912	
1001	11	2556401010027	TC.THY.K25.8	Giàng A Thìn	Nam	01/01/2010	HMông	Cán Chư Sừ	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210005522	
1002	12	2556401010030	TC.THY.K25.8	Sùng Seo Tiến	Nam	29/11/2010	HMông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210001279	
1003	13	2556401010032	TC.THY.K25.8	Lềng Thị Kim Tuyên	Nữ	07/11/2010	Nùng	Đội 2	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310003985	
1004	14	2556401010033	TC.THY.K25.8	Hảng A Tỷ	Nam	14/7/2010	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ Nghèo	100	010210008967	
1005	15	2556401010035	TC.THY.K25.8	Thên Thị Vàng	Nữ	25/3/2010	Nùng	Cốc Rế	Sín Chéng	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310008503	
1006	16	2556401010053	TC.THY.K25.8	Giàng A Dân	Nam	14/6/2010	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010210007888	
Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K24.5A: 9 Học sinh															
1007	1	2452202090004	TC.TTQ.K24.5A	Châu Xuân Cường	Nam	18/10/2009	Mông	Sao Cô Sín	Mường Khương	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002206	
1008	2	2452202090029	TC.TTQ.K24.5A	Sùng Seo Hoàng	Nam	15/10/2007	Mông	Nậm Bó	Kiến Thiết	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010207010209	

TT	ST T lớp	Mã HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Thường trú			Thôn, Xã thuộc khu vực	Đối tượng ưu tiên	Mức CSNT/ lương cơ sở (%)	Số định danh cá nhân (CCCD)	Ghi chú
								Thôn	Phường, Xã	Tỉnh					
1009	3	2452202090036	TC.TTQ.K24.5A	Cư Thị Ánh Phi	Nữ	25/7/2009	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010309000101	
1010	4	2452202090039	TC.TTQ.K24.5A	Vàng Seo Phừ	Nam	15/6/2008	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010308009076	
1011	5	2452202090041	TC.TTQ.K24.5A	Giàng Thị Seng	Nữ	30/8/2008	Mông	Bản Dù	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	038308022214	
1012	6	2452202090047	TC.TTQ.K24.5A	Ly A Toán	Nam	01/4/2009	Mông	Mù Tráng Phìn	Sì Ma Cai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209002283	
1013	7	2452202090049	TC.TTQ.K24.5A	Lò Anh Tuấn	Nam	24/3/2009	Giáy	Làng Mới	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010209007608	
1014	8	2452202090051	TC.TTQ.K24.5A	Đặng Hồng Việt	Nam	28/8/2009	Dao	Ba Xã	Bảo Hà	Lào Cai	xã khu vực II	Hộ nghèo	100	010209001648	
1015	9	2452202090056	TC.TTQ.K24.5A	Sùng Thị Yến	Nữ	27/9/2009	Mông	Nậm Bó	Kiến Thiết	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010209007134	
Lớp Trung cấp Tiếng Trung Quốc K25.5: 11 Học sinh															
1016	1	2552202090015	TC.TTQ.K25.5	Hoàng Lan Hương	Nữ	17/11/2009	Mông	Thác Dây	Văn Bàn	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010309000477	
1017	2	2552202090020	TC.TTQ.K25.5	Giàng Thị Máy	Nữ	10/11/2010	Hmông	Pờ Sì Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310003107	
1018	3	2552202090021	TC.TTQ.K25.5	Triệu Mùi Mấy	Nữ	16/3/2010	Dao	Nậm Nghỉ	Thông Nguyên	Tuyên Quang	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	002310008026	
1019	4	2552202090030	TC.TTQ.K25.5	Lèng Xuân Nguyệt	Nữ	05/3/2010	Nùng	Na Cạp	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310005463	
1020	5	2552202090035	TC.TTQ.K25.5	Giàng Seo Sùng	Nam	01/10/2010	Hmông	Lao Phú Sáng	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ nghèo	100	010210009653	
1021	6	2552202090036	TC.TTQ.K25.5	Giàng Thị Tám	Nữ	26/11/2008	Mông	Sáng Phìn	Sìn Hồ	Lai Châu	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	012308000360	
1022	7	2552202090037	TC.TTQ.K25.5	Sùng Thị Tăng	Nữ	08/01/2009	Mông	9 Mai Đào	Thượng Hà	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309003087	
1023	8	2552202090038	TC.TTQ.K25.5	Hoàng Thị Tánh	Nữ	18/3/2010	Hmông	Bản Páy	Bắc Hà	Lào Cai	Thôn ĐBK	Hộ cận nghèo	100	010310007670	
1024	9	2552202090040	TC.TTQ.K25.5	Tần Thị Phương Thảo	Nữ	16/01/2010	Dao	Thảm Phúc	Bảo Nhai	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010310005160	
1025	10	2552202090044	TC.TTQ.K25.5	Phản Ty Thu	Nữ	11/8/2010	Dao	Nậm Đò	Cao Sơn	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ cận nghèo	100	010310007808	
1026	11	2552202090048	TC.TTQ.K25.5	Giàng Thị Tùng	Nữ	25/7/2009	Mông	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	xã khu vực III	Hộ nghèo	100	010309001923	

Tổng số HSSV được hưởng chính sách nội trú: 1026 HSSV/ 141 lớp, trong đó:

- HSSV là người dân tộc thiểu số thuộc Hộ nghèo, Hộ cận nghèo, Khuyết tật: 836;
- HSSV tốt nghiệp trường PTDTNT: 158;
- HSSV là người dân tộc Kinh khuyết tật: 1.
- HSSV là người dân tộc Kinh thuộc Hộ nghèo, Hộ cận nghèo: 31.